

Biểu mẫu 18

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng
sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			117
1	Tiến sĩ			0
1.1	Tiến sĩ chính quy			0
1.1.1	Kinh doanh và quản lý			0
1.1.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	0
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
2	Thạc sĩ			117
2.1	Thạc sĩ chính quy			117
2.1.1	Kinh doanh và quản lý			10
2.1.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	10
2.1.2	Pháp luật			72
2.1.2.1	Luật	8380101	Pháp luật	0
2.1.2.2	Luật kinh tế	8380107	Pháp luật	72
2.1.3	Máy tính và công nghệ thông tin			0
2.1.3.1	Công nghệ thông tin	8480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
2.1.4	Kỹ thuật			0
2.1.4.1	Kỹ thuật ô tô	8520130	Kỹ thuật	0
2.1.5	Sức khỏe			35
2.1.5.1	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	Sức khỏe	35
2.1.6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
2.1.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài			
B	ĐẠI HỌC			17807
3	Đại học chính quy			17807
3.1	Chính quy			17356
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			17356
3.1.2.1	Kinh doanh và quản lý			4084
3.1.2.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	1913
3.1.2.1.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	339
3.1.2.1.3	Bất động sản	7340116	Kinh doanh và quản lý	46
3.1.2.1.4	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	301
3.1.2.1.5	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh và quản lý	0
3.1.2.1.6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	724
3.1.2.1.7	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	761
3.1.2.2	Pháp luật			1040
3.1.2.2.1	Luật	7380101	Pháp luật	617
3.1.2.2.2	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	423
3.1.2.3	Máy tính và công nghệ thông tin			1636
3.1.2.3.1	Khoa học máy tính	7480101	Máy tính và công nghệ thông tin	171
3.1.2.3.2	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	Máy tính và công nghệ thông tin	0
3.1.2.3.3	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Máy tính và công nghệ thông tin	203
3.1.2.3.4	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	1262
3.1.2.4	Công nghệ kỹ thuật			2436
3.1.2.4.1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật	2135
3.1.2.4.2	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật	34
3.1.2.4.3	Quản lý công nghiệp	7510601	Công nghệ kỹ thuật	97
3.1.2.4.4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	170
3.1.2.5	Kỹ thuật			312
3.1.2.5.1	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	Kỹ thuật	312
3.1.2.5.2	Kỹ thuật y sinh	7520212	Kỹ thuật	0
3.1.2.5.3	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật	0
3.1.2.6	Sản xuất và chế biến			465

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.1.2.6.1	Công nghệ thực phẩm	7540101	Sản xuất và chế biến	465
3.1.2.7	Kiến trúc và xây dựng			636
3.1.2.7.1	Kiến trúc	7580101	Kiến trúc và xây dựng	251
3.1.2.7.2	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	385
3.1.2.8	Sức khỏe			3909
3.1.2.8.1	Y khoa	7720101	Sức khỏe	1759
3.1.2.8.2	Dược học	7720201	Sức khỏe	1074
3.1.2.8.3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Sức khỏe	877
3.1.2.8.4	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Sức khỏe	199
3.1.2.8.5	Quản lý bệnh viện	7720802	Sức khỏe	0
3.1.2.9	Nhân văn			677
3.1.2.9.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	Nhân văn	677
3.1.2.10	Khoa học xã hội và hành vi			63
3.1.2.10.1	Kinh tế số	7310109	Khoa học xã hội và hành vi	63
3.1.2.11	Báo chí và thông tin			360
3.1.2.11.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Báo chí và thông tin	159
3.1.2.11.2	Quan hệ công chúng	7320108	Báo chí và thông tin	201
3.1.2.12	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			1494
3.1.2.12.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	817
3.1.2.12.2	Quản trị khách sạn	7810201	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	491
3.1.2.12.3	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	186
3.1.2.13	Môi trường và bảo vệ môi trường			244
3.1.2.13.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Môi trường và bảo vệ môi trường	94
3.1.2.13.2	Quản lý đất đai	7850103	Môi trường và bảo vệ môi trường	150
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			37
3.2.1	Pháp luật			0
3.2.1.1	Luật	7380101	Pháp luật	0
3.2.2	Sức khỏe			37
3.2.2.1	Dược học	7720201	Sức khỏe	16
3.2.2.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Sức khỏe	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
3.2.2.3	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Sức khỏe	21
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			414
3.3.1	Pháp luật			0
3.3.1.1	Luật	7380101	Pháp luật	0
3.3.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0
3.3.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
3.3.3	Kiến trúc và xây dựng			0
3.3.3.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
3.3.4	Sức khỏe			414
3.3.4.1	Dược học	7720201	Sức khỏe	395
3.3.4.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Sức khỏe	0
3.3.4.3	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Sức khỏe	19
3.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
3.3.6	Môi trường và bảo vệ môi trường			0
3.3.6.1	Quản lý đất đai	7850103	Môi trường và bảo vệ môi trường	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0
3.4.1	Pháp luật			0
3.4.1.1	Luật	7380101	Pháp luật	0
3.4.2	Máy tính và công nghệ thông tin			0
3.4.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	Máy tính và công nghệ thông tin	0
3.4.3	Kiến trúc và xây dựng			0
3.4.3.1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	0
3.4.4	Sức khỏe			0
3.4.4.1	Dược học	7720201	Sức khỏe	0
3.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
3.4.6	Môi trường và bảo vệ môi trường			0
3.4.6.1	Quản lý đất đai	7850103	Môi trường và bảo vệ môi trường	0

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo (*)	Số SVTN	Phân loại TN			Tỷ lệ SVTN có việc làm
				Xuất sắc	Giỏi	Khá	
1	7720211	Dược học	599	14	113	259	92.65%
2	7580101	Kiến trúc	14	0	2	7	92.86%
3	7340301	Kế toán	81	5	21	37	95.06%
4	7380107	Luật kinh tế	93	1	29	51	98.92%
5	7320108	Quan hệ công chúng	16	0	2	11	100.00%
6	7850103	Quản lý đất đai	18	0	5	8	100.00%
7	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	23	0	9	9	100.00%
8	7340101	Quản trị kinh doanh	164	6	55	74	95.12%
9	7580201	Kỹ thuật xây dựng	49	1	4	15	93.88%
10	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	106	4	39	59	96.23%
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	53	0	14	29	94.34%
12	7540101	Công nghệ thực phẩm	63	0	17	40	98.41%
13	7480201	Công nghệ thông tin	145	0	20	50	87.59%
14	7380101	Luật	104	1	39	58	97.12%
15	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	198	1	31	127	69.70%
16	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	162	0	23	108	98.77%
17	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	46	0	7	26	95.65%
Tổng cộng:			1934	33	430	968	92.04%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
1	Nhập môn ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, những điều cần lưu ý và những kỹ năng cần có để học ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
2	Cơ học lý thuyết	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết căn bản về các quy luật chung của cơ học... Giúp cho sinh viên vận dụng các quy luật ấy để giải bài toán về chuyển động, cân bằng và tương tác của các vật thể.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
3	Hình họa và vẽ kỹ thuật	Cung cấp những kiến thức để vận dụng được những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật, các tiêu chuẩn Nhà nước (TCVN) hiện hành và các tiêu chuẩn ISO để đọc và thiết kế các bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
4	Cơ học thủy khí	Cung cấp những khái niệm chung và các tính chất vật lý cơ bản của lưu chất, áp suất thủy tĩnh và các tính chất của chất lỏng trong trường trọng lực,...	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
5	Kinh tế và quản lý doanh nghiệp	Cung cấp gồm những kiến thức cơ bản về: về cung cách tổ chức, điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
6	Kỹ thuật nhiệt	Cung cấp những kiến thức về các quy luật biến đổi năng lượng mà chủ yếu là nhiệt năng và cơ năng, diễn ra trong các loại máy nhiệt nói riêng và các hệ thống nhiệt động nói chung.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
7	Vật liệu cơ khí	Học phân trình bày cơ sở lý thuyết vật liệu học; đồng thời, giới thiệu các loại vật liệu như gang và thép, kim loại và hợp kim màu, vật liệu phi kim loại, vật liệu composite, vật liệu bột... Các phương pháp xử lý nhiệt như: ủ, thường hoá, tôi, ram, tôi cao tần, thấm và các phương pháp bảo vệ vật liệu như: mạ, sơn, phun phủ...	1	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
8	Sức bền vật liệu	cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết cho tính toán độ bền, độ cứng, độ ổn định các bộ phận công trình hay chi tiết máy chịu các hình thức biến dạng cơ bản	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
9	Cơ sở thiết kế máy 1	Cung cấp những kiến thức gồm các vấn đề cơ bản trong thiết kế máy và chi tiết máy. Khái niệm cơ bản trong tính toán thiết kế chi tiết máy: tải trọng, ứng suất, khả năng làm việc, độ bền mỏi. Quy trình tính toán thiết kế chi tiết máy và các bộ truyền động.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
10	Kỹ thuật điện – Điện tử	Các phương pháp cơ bản để phân tích mạch điện một chiều và xoay chiều hình sin ở chế độ xác lập. Cung cấp nguyên lý, cấu tạo, tính năng và ứng dụng các loại máy điện cơ bản.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
11	Kỹ thuật đo	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong đo lường. Các loại dụng cụ đo lường kỹ thuật thường dùng trong chế tạo cơ khí. Phương pháp đo các thông số hình học và chỉ tiêu chất lượng của các chi tiết cơ khí. Lý thuyết sai số và phương pháp xử lý kết quả đo thực nghiệm. Chọn phương án đo.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
12	Máy nâng chuyên	Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ giới hóa, quá trình nâng – vận chuyển vật trong các ngành công nghiệp, xây dựng và chế biến thực phẩm	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
13	Nguyên lý máy	Nghiên cứu về nguyên lý cấu tạo, động học và động lực học của cơ cấu; trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải các bài toán phân tích và tổng hợp cơ cấu	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
14	Ứng dụng tin học trong thiết kế	Sử dụng phần mềm chuyên dùng Autodesk Inventor trong việc thiết kế theo xu hướng tạo các chi tiết trong không gian 3 chiều, lắp ráp các chi tiết thành cụm chi tiết máy, sau đó xuất ra thành bản vẽ thiết kế. Nó phục vụ đặc lực cho các nhà thiết kế, họa viên kỹ thuật cơ khí cũng như các ngành kỹ thuật khác.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
15	Anh văn chuyên ngành (ô tô)	Cung cấp những kiến thức Anh văn kỹ thuật và những thuật ngữ cơ bản về công nghệ kỹ thuật ô tô. Với những kiến thức này, học viên có thể áp dụng trong việc đọc hiểu những tài liệu kỹ thuật cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp, tạo cơ sở để nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên môn.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
16	Cơ sở thiết kế máy 2	Giúp sinh viên hiểu được phương pháp tính toán các chi tiết gối đỡ. Trình bày được các phương pháp bôi trơn làm mát máy. Tính toán được các lò xo và các chi tiết khớp nối, và các chi tiết máy ghép. Vận dụng được kiến thức vào thực tiễn thiết kế máy.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
17	Công nghệ gia công kim loại	Học phần cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về quá trình sản xuất, quy trình công nghệ, các phương pháp tạo phôi và các phương pháp gia công chuẩn bị phôi, chuẩn và gá đặt chi tiết, khái niệm về đồ gá, các thành phần của đồ gá. Ngoài ra, học phần cung cấp cho SV các phương pháp gia công cắt gọt: tiện, phay, bào.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
18	Động cơ đốt trong	Cung cấp những lý thuyết về nguyên lý làm việc của động cơ đốt trong; phân tích các chế độ và các đường đặc tính làm việc của động cơ đốt trong; quá trình làm việc và các chỉ tiêu đánh giá động cơ đốt trong	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
19	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ	Học phần Hệ Thống Điện Động Cơ và Điều Khiển Động Cơ. Nội dung học phần: Hình thành kỹ năng sửa chữa hệ thống điện và điện tử trên động cơ ô tô, sử dụng các trang thiết bị để kiểm tra và sửa chữa các chi tiết thuộc hệ thống điện động cơ ô tô.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
20	Kỹ thuật an toàn lao động	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những quy định của những kỹ thuật an toàn lao động liên quan đến hoạt động xây dựng. Tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động xây.	1	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
21	Kỹ thuật điều khiển tự động	Những kiến thức cơ bản để thiết lập mô hình toán của hệ thống cơ, điện, cơ điện và mô tả hệ thống bằng các hàm truyền, không gian trạng thái hay sơ đồ khối;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
22	Máy thủy lực	Hiểu được các vấn đề về lý thuyết cơ sở thủy lực Đọc và phân tích được các hệ thống điều khiển thủy lực, điện thủy lực trong thực tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
23	Tin học ứng dụng (AUTOCA D 2D)	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
24	Vi xử lý ứng dụng	Cung cấp các kiến thức về cấu tạo phần cứng của Vi điều khiển (các bộ nhớ bên trong, bộ định thời, các chức năng đặc biệt hỗ trợ khi sử dụng như tạo ngắt), cách lập trình cho Vi điều khiển và các tập lệnh của nó.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
25	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ – Thực tập	Cung cấp các kiến thức về điện và điện tử của động cơ trên ô tô, bao gồm cấu tạo, công dụng, nguyên lý làm việc thuộc và phương pháp tính toán cơ bản để thay thế các chi tiết hỏng quả công việc	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
26	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên Ô tô	Cung cấp kiến thức tổng quát về hệ thống điện trên xe ô tô, cách thức đấu nối dây sao cho phù hợp.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
27	Hệ thống điện và điều khiển tự động trên ô tô – Thực tập	Hiểu được nhiệm vụ, cấu tạo, chức năng, nguyên lý hoạt động của các hệ thống. Hiểu được sơ đồ kết cấu và bố trí từng hệ thống trên ô tô. Có khả năng chẩn đoán một số hư hỏng thường gặp cho từng hệ thống. Chủ động tích cực tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo và khả năng tự học, tự nghiên cứu.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
28	Kết cấu động cơ đốt trong	Giới thiệu tổng quát về động cơ đốt trong, vị trí và ý nghĩa của nó trong các thiết bị động lực. Các nội dung chính của học phần gồm: trình bày cấu tạo, công dụng, nguyên lý làm việc của các chi tiết, các hệ thống trong động cơ đốt trong.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
29	Ô tô chuyên dùng	Nội dung học phần gồm những khái niệm, phân loại, đặc điểm riêng của từng loại xe chuyên dùng. Giới thiệu một số xe chuyên dùng như Xe benz, Xe sitcom, Xe chở công tenơ, Xe thùng kín...	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
30	Ô tô năng lượng mới	Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về một số nguồn năng lượng ứng dụng trên ô tô như nhiên liệu cồn, nhiên liệu biodiesel, pin nhiên liệu, nguồn năng lượng điện,.... Từ đó nó là cơ sở để đánh giá chất lượng của các nguồn năng lượng này.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
31	Quản trị chất lượng	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: chất lượng, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, các công cụ quản trị chất lượng và một số hệ thống quản trị chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
32	Thử nghiệm ô tô	Giới thiệu chỉ tiêu dùng để đánh giá tổng quát ô tô. Cách xác định các thông số kỹ thuật của xe như: Công suất, lượng tiêu hao nhiên liệu, gia tốc của xe....., giới thiệu phương pháp sử dụng các thiết bị để đo các chỉ tiêu đó.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
33	Tính toán động cơ đốt trong	Hệ thống phân phối khí, hệ thống nhiên liệu động cơ xăng, hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel, hệ thống bôi trơn, hệ thống làm mát: Học phần giới thiệu phương pháp luận về tính toán động cơ đốt trong (ĐCĐT), chọn vật liệu cho động cơ. Tính toán tổng thể ĐCĐT. Tính toán động lực học ĐCĐT. Tính toán các hệ thống trong ĐCĐT	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
34	Công nghệ lắp ráp ô tô	Xác định công nghệ lắp ráp SKD, CKD, IKD. Mặt bằng lắp ráp. Tính toán các nhu cầu trong dây chuyền lắp ráp. Công nghệ sơn, sấy ô tô. Đặc điểm công nghệ chế tạo phụ tùng ô tô: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về lắp ráp ô tô. Các qui trình lắp ráp ô tô dưới các dạng khác nhau	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
35	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Cung cấp khái quát về hệ thống điều hòa không khí trên Ô tô, phân loại, nguyên lý hoạt động và hệ thống điều khiển.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
36	Kết cấu khung gầm Ô tô	Cung cấp nội dung môn học bao gồm việc trình bày toàn bộ kết cấu, phân tích nguyên lý hoạt động của các hệ thống, phương pháp kiểm tra và sửa chữa các bộ phận thuộc gầm ô tô như: Ly hợp, hộp số, truyền động cardan hệ thống treo, hệ thống phanh	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
37	Kết cấu Ô tô	Giúp sinh viên hiểu được cơ sở tính toán các thông số cơ bản của các hệ thống và phương pháp tính toán sức bền các chi tiết thuộc các cụm và hệ thống ô tô.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
38	Lý thuyết Ô tô	Cung cấp những vấn đề cơ bản, các đặc tính sử dụng có liên quan đến quá trình lăn của bánh xe trên mặt đường. Từ đó khảo sát sự ảnh hưởng của đặc tính liên quan tới hoạt động của ô tô.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
39	Nhiên liệu và dầu mỡ	Hiểu được khái niệm về ma sát và chất bôi trơn. Trình bày được đặc tính kỹ thuật của chất bôi trơn lỏng - dầu bôi trơn. Đặc tính kỹ thuật của chất bôi trơn - mỡ bôi trơn. Đặc tính kỹ thuật của chất lỏng chuyên dùng.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
40	Thiết bị tiện nghi trên ô tô	Cung cấp các kiến thức cơ bản về thiết bị tiện nghi trên ô tô như: Hệ thống rửa gạt nước kính xe, đèn pha, hệ thống cửa sổ điện, gương điện, nghe nhìn, ga tự động...	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
41	Động cơ - Chuyên đề	Học phân giới thiệu tổng quát về những xu hướng mới ứng dụng thành tựu về khoa học và công nghệ mới của động cơ đốt trong sử dụng trên ô tô, vị trí và ý nghĩa của nó trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của động cơ đốt trong sử dụng trên ô tô.	3	Học kỳ VIII	Bài thu hoạch, thảo luận: 40% Báo cáo chuyên đề: 60%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
42	Kiểm định và chuẩn đoán ô tô	Giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc kiểm định & chẩn đoán kỹ thuật ô tô, qui trình kiểm định ô tô ở VN.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
43	Kỹ thuật lái ô tô	Tổng quan về lý thuyết lái xe, nhằm giúp sinh viên nắm được nguyên lý cơ bản của phương pháp lái xe an toàn Phương pháp vận hành và điều khiển ô tô	1	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ kỹ thuật ô tô
44	Toán rời rạc 1	Môn đại số nhằm cung cấp cho sinh viên khối kỹ thuật các kiến thức: Suy diễn logic hình thức, Cung cấp cho sinh viên ngôn ngữ của toán học hiện đại – lý thuyết tập hợp, ánh xạ, Cấu trúc đại số Boole, Công cụ đại số tuyến tính.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
45	Toán rời rạc 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản quan trọng về toán rời rạc và ứng dụng của nó trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Điện tử, Viễn thông. Những kiến thức được trang bị cho môn học này bao gồm: Một số kiến thức cơ bản về logic, tập hợp,	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		bài toán đếm, bài toán liệt kê, bài toán tối ưu và bài toán tồn tại.					
46	Cấu trúc dữ liệu	Trang bị cho sinh viên phương pháp biểu diễn các đối tượng thành dữ liệu, các thao tác trên biểu diễn dữ liệu và thuật toán áp dụng trên biểu diễn dữ liệu	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
47	Cơ sở dữ liệu	Giúp sinh viên nắm các mức trừu tượng hóa cơ sở dữ liệu, các mô hình cơ sở dữ liệu, các ngôn ngữ biểu diễn và xử lý dữ liệu, lý thuyết về cơ sở dữ liệu quan hệ, quy trình thiết kế cơ sở dữ liệu	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
48	Lập trình căn bản	Cung cấp: Các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ lập trình, Các lệnh vào ra và lệnh điều khiển, Hàm và chương trình, Hàm và con trỏ	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
49	Kiến trúc máy tính	Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về kiến trúc hệ thống máy tính và có khả năng áp dụng phân tích kiến trúc các hệ thống máy tính trong thực tế.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
50	Kỹ thuật đồ họa	Giúp cho học sinh nắm được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đồ họa máy tính bao gồm kiến trúc hệ đồ họa máy tính, màn hình Raster, các giải thuật cơ bản trong đồ họa Raster,...	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
51	Lập trình hướng đối tượng	Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng, các vấn đề kế thừa và đa hình	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
52	Lý thuyết thông tin	Giúp sinh viên hiểu các khái niệm về về thông tin, Entropy, Entropy có điều kiện, Độ đo lượng tin. Vận dụng giải quyết các bài toán về xác định lượng tin.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
53	Ngôn ngữ mô hình hóa	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình C++, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng, các vấn đề kế thừa và đa hình trong C++.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
54	Nguyên lý Hệ điều hành	Cung cấp các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, mã hoá thông tin, xử lý thông tin trong máy tính.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
55	Phân tích và thiết kế thuật toán	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm và phương pháp, kỹ thuật hướng đối tượng cho phát triển các kiểu hệ phần mềm. Nội dung bao gồm các kiểu hệ phần mềm, mô hình hệ phần mềm với UML, xác định yêu cầu, phân tích, thiết kế, tích hợp.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
56	Anh văn chuyên ngành (CNTT)	Giúp sinh viên biết và áp dụng một số thuật ngữ anh văn chuyên ngành công nghệ thông tin vào trong học tập và nghiên cứu	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
57	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Nắm được các mức trừu tượng hóa cơ sở dữ liệu, các mô hình cơ sở dữ liệu, các ngôn ngữ biểu diễn và xử lý dữ liệu, lý thuyết về cơ sở dữ liệu quan hệ, quy trình thiết kế cơ sở dữ liệu	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
58	Lập trình web	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lập trình web với CSDL phía server sử dụng JSP và JDBC. Giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật lập trình web trong Java sử dụng các nền tảng tiên tiến như STRUT, SPRING ...	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
59	Mạng máy tính	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về mạng máy tính, Có thể xây dựng các ứng dụng dành riêng trên mạng; Có thể phát hiện và khắc phục được các lỗi nhỏ trong mạng cục bộ	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
60	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm và phương pháp, kỹ thuật hướng đối tượng cho phát triển các kiểu hệ phần mềm. Nội dung bao gồm các kiểu hệ phần mềm, mô hình hệ phần mềm với UML, xác định yêu cầu, phân tích, thiết kế, tích hợp.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
61	Điện toán đám mây	Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về điện toán đám mây, về ảo hóa, kỹ năng hiện thực private cloud	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
62	Lập trình .NET	Môn học nhằm giúp sinh viên bước đầu làm quen với môi trường .Net, ngôn ngữ C#. Sinh viên thực hiện nhiều ví dụ để nắm rõ hơn các kỹ thuật lập trình hướng đối tượng. Có sự so sánh giữa ngôn ngữ C# với ngôn ngữ Java để có giải pháp hợp lý khi triển khai các yêu cầu thực tế.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
63	Quản trị mạng máy tính	Giúp cho người học sử dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để xây dựng và triển khai những giải pháp hệ thống mạng cho các cơ sở doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
64	Trí tuệ nhân tạo	Sau khi học xong, sinh viên nắm vững phương pháp được học, có thể áp dụng để giải quyết các ứng dụng tối ưu sử dụng phương pháp tìm kiếm, ứng dụng suy diễn tự động đơn giản và phương pháp phân tích dữ liệu đơn giản	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		sử dụng kỹ thuật học máy.					
65	Bảo mật thông tin	Cung cấp những kiến thức về các nguy cơ với một hệ thống thông tin, các tài liệu về triển khai chương trình an toàn bảo mật hệ thống thông tin. Thông tin về tấn công và giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn mạng máy tính, đảm bảo truyền thông tin mạng máy tính	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
66	Cơ sở dữ liệu phân tán	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu phân tán, bao gồm các nội dung về các chiến lược thiết kế và kiểm soát dữ liệu.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
67	Lập trình thiết bị di động	Học phần Lập trình di động cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về các thành phần của một ứng dụng di động: các Activity, truyền dữ liệu giữa các Activity, thiết kế giao diện người dùng, xử lý sự kiện trên thiết bị, tiến trình và giao tiếp server, luồng,...	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
68	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Hiểu được thế nào là phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở, một số License phần mềm mã nguồn mở phổ biến, những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
69	Xử lý ảnh	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: các khái niệm về ảnh; phương pháp và kỹ thuật xử lý ảnh: biểu diễn, lọc và nâng cao chất lượng ảnh; phương pháp phân vùng ảnh; xác định biên ảnh; các phương pháp nhận dạng ảnh; một số kỹ thuật và công nghệ nén ảnh số	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
70	Hệ thống thương mại điện tử	Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử,...	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
71	Kiểm thử phần mềm	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về kiểm thử phần mềm, các quy trình kiểm thử phần mềm và các kỹ thuật cơ bản trong thiết kế và cài đặt kiểm thử. c phương tiện trình chiếu.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
72	Quản lý dự án phần mềm	Cung cấp những kiến thức cơ bản về các khía cạnh tri thức của việc quản lý dự án phần mềm và cách thức để thực hiện các công việc liên quan tới quản lý một dự án phần mềm.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin
73	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	Giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu và viết một báo cáo khoa học. Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học trong	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		nước và nước ngoài.					
74	Hóa hữu cơ	Học phần Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong y, dược học	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
75	Hóa phân tích	Học phần hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxi hóa - khử, kết tủa, khối lượng.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
76	Hình họa và vẽ kỹ thuật	Cung cấp những kiến thức để vận dụng được những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật, các tiêu chuẩn Nhà nước (TCVN) hiện hành và các tiêu chuẩn ISO để đọc và thiết kế các bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
77	Hóa sinh thực phẩm	Giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh.	4	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
78	Kỹ thuật nhiệt	Cung cấp những kiến thức về các quy luật biến đổi năng lượng mà chủ yếu là nhiệt năng và cơ năng, diễn ra trong các loại máy nhiệt nói riêng và các hệ thống nhiệt động nói chung.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
79	Vi sinh	Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật...đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
80	Bao bì thực phẩm	Giúp cho sinh viên hiểu được các tính chất của bao gói và sự tiến bộ nhanh chóng của bao bì hiện đại góp phần vào sự tiến bộ trong sản xuất thực phẩm, ứng dụng chọn lựa vật liệu, nêu các yêu cầu thiết kế để thỏa mãn các mục tiêu sản xuất, bảo quản, tiếp thị. Sau các tiến trình công nghệ, đóng gói có một vai trò hết sức quan trọng trong sản xuất thực phẩm hiện đại.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
81	Kỹ thuật chế biến món ăn	cung cấp cho sinh viên những kiến thức kỹ thuật chế biến món ăn, vận dụng một cách, hợp lý trong quá trình chế biến món ăn tại gia đình, các nhà hàng và các khâu phân ăn công nghiệp.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
82	Kỹ thuật điện	Cung cấp kiến thức cơ bản về mạch điện, các loại máy điện và ứng dụng của chúng trong các thiết bị điện, nhà máy, xí nghiệp và các hệ thống liên quan đến lĩnh vực Cơ điện tử.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
83	Kỹ thuật thực phẩm 1	Giúp người học vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào thực tế sản xuất một cách có hiệu quả. Nhận thức đúng về tầm quan trọng của môn học trong chuyên ngành đào tạo, về mối liên hệ giữa các nội dung môn học với các môn khoa học khác	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
84	Marketing thực phẩm	Sinh viên nắm được các kiến thức khái quát về marketing, hệ thống sản xuất - và tiêu thụ sản phẩm thực phẩm, người tiêu dùng và mối quan tâm của họ đối với thực phẩm	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
85	Thực phẩm chức năng	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về định nghĩa và các qui định về thực phẩm chức năng. Các thành phần có tính đặc hiệu tạo nên tính chất chức năng của thực phẩm.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
86	Vi sinh thực phẩm	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh hóa học của vi khuẩn.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
87	Anh văn chuyên ngành (CNTP)	Trang bị cho sinh viên kiến thức tiếng Anh về các chỉ tiêu chất lượng thực phẩm, các quá trình chế biến thực phẩm, các thiết bị sử dụng trong chế biến thực phẩm, phương pháp quản lý chất lượng, khả năng thiết lập và áp dụng tốt các thực hành trong hệ thống quản lý chất lượng ở	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		các nhà máy sản xuất thực phẩm xuất khẩu hiện nay.					
88	Độc chất học thực phẩm	Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về độc chất học, một số loại độc tố điển hình trong thực phẩm và các phương pháp phân tích độc tố nói chung; Hiểu sâu về độc chất và vệ sinh an toàn thực phẩm, cơ chế chuyển hóa và tác hại của chúng đối với cơ thể. Kiến thức về các trường hợp ngộ độc do độc tố thường gặp trong quá trình thu nhận, sơ chế, bảo quản và chế biến thực phẩm, các biện pháp hạn chế và xử lý độc tố trong thực phẩm; xử lý các tình trạng ngộ độc thực phẩm. Nhận diện và đánh giá được các nguyên nhân gây nên ngộ độc, khuyến cáo cách phòng ngừa ngộ độc	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
89	Kỹ thuật thực phẩm 2	Giúp người học vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào thực tế sản xuất một cách có hiệu quả. Nhận thức đúng về tầm quan trọng của môn học trong chuyên ngành đào tạo, về mối liên hệ giữa các nội dung môn học với các môn khoa học khác	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
90	Nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên lý bảo quản, chế biến thực phẩm, nguyên nhân gây hư hỏng, sậm màu, trong bảo quản và hạn chế sự hư hỏng thực phẩm. Qua học phân này sinh viên có thể hiểu được những nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm, các nguyên lý bảo quản thực phẩm, cơ sở khoa học của những phương pháp bảo quản thực phẩm.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
91	Quản lý chất lượng và luật thực phẩm	Trang bị cho sinh viên các kiến thức khoa học về các hệ thống quản lý chất lượng và thông tin về luật thực phẩm; Phương pháp tuân thủ và áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng để đáp ứng nhu cầu càng cao của xã hội	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
92	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	Trang bị cho người học có những hiểu biết sâu về điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm bắt buộc đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Các phương pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
93	Công nghệ lên men	Giúp sinh viên nghiên cứu được quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm lên men; Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men; Sử dụng được các thiết bị và dụng cụ trong phòng thí nghiệm liên quan đến thực phẩm; Thực hiện được những quy tắc trong phòng thí nghiệm và trong nhà máy sản xuất thực phẩm	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
94	Đánh giá cảm quan thực phẩm	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về tính chất cảm quan của thực phẩm, nguyên tắc lấy mẫu và xử lý mẫu, phương pháp đánh giá cảm quan; Vận dụng những kiến thức đã học để kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
95	Dinh dưỡng	Trang bị cho người học các kiến thức về vai trò của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người. Mối quan hệ giữa lượng thực phẩm và sức khỏe, cấu trúc cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng, protein, carbohydrate, vitamin, khoáng; Khái niệm về dinh dưỡng cân đối, thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng khác nhau;	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
96	Kỹ thuật thực phẩm 3	Giúp người học vận dụng những kiến thức đã học áp dụng vào thực tế sản xuất một cách có hiệu quả. Nhận thức đúng về tầm quan trọng của môn học trong chuyên ngành đào tạo, về mối liên hệ giữa các nội dung môn học với các môn khoa học khác	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
97	Máy và thiết bị thực phẩm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cách vận hành về các máy móc, thiết bị sử dụng trong chế biến thực phẩm	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
98	Phụ gia thực phẩm	Trang bị cho người học các kiến thức về nguyên tắc sử dụng phụ gia thực phẩm; vai trò của các loại phụ gia trong quá trình sản xuất và bảo quản một số sản phẩm thực phẩm. Giải thích được những khái niệm, những quy định của pháp luật cần thực hiện khi sử dụng phụ gia vào chế biến thực phẩm.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
99	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP	Học phần kết hợp hai nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành. Cả hai nội dung này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê, cách thiết kế và bố thí nghiệm trong các điều kiện khác nhau.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
100	Công nghệ bảo quản lạnh thực phẩm	Phân tích được các phương pháp bảo quản thực phẩm, giá trị dinh dưỡng của sản phẩm thực phẩm lạnh; Các phương pháp làm lạnh, tồn trữ lạnh và kỹ thuật điều khiển khí quyển tồn trữ trong quá trình bảo quản; Cơ chế của quá trình hình thành tinh thể đá, sự đóng băng, sự tan chảy;	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
101	Công nghệ chế biến nhiệt sản phẩm	Cung cấp các quy trình chế biến rau quả, thành phần và cấu tạo của rau quả, các quy trình chế biến rau quả đóng hộp, lên men	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
102	Công nghệ chế biến thịt và sản phẩm thịt	Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng vào hoạt động sản xuất các sản phẩm thịt, cá, trứng, sữa tại nhà máy, xí nghiệp, từ đó phục vụ hiệu quả cho công việc và trong cuộc sống.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
103	Công nghệ chế biến trà, cà phê và cacao	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm của nguyên liệu trà, cà phê và ca cao; các quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm từ trà, cà phê và ca cao.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
104	Công nghệ sản xuất bia rượu và nước giải khát	Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để tham gia nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm thực phẩm: bia, rượu, nước giải khát và một số sản phẩm truyền thống: dưa chua, giò chả, chao, mắm nêm ...	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
105	Công nghệ sau thu hoạch rau quả và ngũ cốc	Giúp cho sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của rau quả đối với cuộc sống, cấu tạo, đặc tính thực vật, thành phần hóa học của rau quả, các quá trình xảy ra trong rau quả sau thu hoạch. Giúp sinh viên nắm rõ các yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp hạn chế tổn thất sau thu hoạch.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
106	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	Học phân nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về nước cấp, nước thải sinh hoạt, công nghiệp... Phân nước cấp sẽ đề cập đến các loại nguồn nước và các sơ đồ xử lý nước, hệ thống cấp nước cho khu vực và cho các xí nghiệp, nhà máy sản xuất cũng như hệ thống cấp nước trong nhà	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
107	Công nghệ chế biến đường, bánh kẹo	Học phân cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết và các qui trình kỹ thuật trong quá trình sản xuất đường mía, bánh kẹo, rèn luyện kỹ năng sản xuất một số sản phẩm bánh kẹo, giúp người học nhanh chóng vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên vào thực tế sản xuất, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
108	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm từ sữa	Giúp sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng vào hoạt động sản xuất các sản phẩm từ sữa và sữa tại nhà máy, xí nghiệp, từ đó phục vụ hiệu quả cho công việc và trong cuộc sống.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
109	Công nghệ sản xuất dầu thực vật	Học phân cung cấp cho người học cơ sở lý thuyết và các qui trình kỹ thuật trong quá trình sản xuất dầu thực vật, rèn luyện kỹ năng sản xuất một số sản phẩm dầu thực vật, giúp người học nhanh chóng vận dụng các kiến thức và kỹ năng trên vào thực tế sản xuất, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
110	Nghiên cứu phát triển sản phẩm thực phẩm	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát triển sản phẩm, các giai đoạn của quá trình phát triển sản phẩm, cách lập kế hoạch và thực hiện các mục tiêu phát triển sản phẩm, phương pháp tạo sản phẩm mới trong điều kiện thí nghiệm - pilot - sản xuất và những việc cần làm để thương mại hóa sản phẩm.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
111	Phương pháp NC và viết báo cáo khoa học	Cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc và kiến thức cơ bản trong viết một báo cáo khoa học, phương pháp nghiên cứu các thực phẩm áp dụng vào nghiên cứu và học tập sau này	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
112	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về quản lý và xử lý chất thải công nghiệp thực phẩm; các quy định pháp lý của Việt Nam và thế giới về quản lý và xử lý chất thải trong công nghiệp thực phẩm, qua đó thấy được những hạn chế trong việc quản lý chất thải công nghiệp thực phẩm ở Việt Nam.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Công nghệ thực phẩm
113	Hóa hữu cơ 1	Học phần Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong y, dược học	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
114	Giải phẫu	Học phần Giải phẫu cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất về Giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
115	Hóa hữu cơ 2	Học phần Hóa hữu cơ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các hiệu ứng điện tử, hiệu ứng lập thể; về cơ chế phản ứng, đồng phân; về các nhóm định chức chính: danh pháp, điều chế, hóa tính, ứng dụng trong y, dược học.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
116	Thực vật dược	Học phần Thực vật dược cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về thực vật học, mô tả các cơ quan sinh dưỡng, sinh sản của thực vật. Học phần còn trang bị cho sinh viên về nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
117	Vi sinh	Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật...đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
118	Anh văn chuyên ngành (Dược)	Học phần anh văn chuyên ngành cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chung về chuyên ngành. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
119	Hóa lý	Giúp cho sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa năng lượng và sự diễn biến của quá trình. Hiểu các cơ sở lý thuyết về chiều hướng diễn biến, trạng thái cân bằng và qui luật diễn biến của các quá trình lý hóa cơ bản.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
120	Hóa phân tích 1	Học phần hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxi hóa - khử, kết tủa, khối lượng.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
121	Ký sinh trùng	Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp chuẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị, thực hành lấy mẫu, làm tiêu bản ký sinh trùng gây bệnh.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
122	Sinh lý	Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
123	Các hệ thống trị liệu mới	Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về các hệ thống trị liệu đồng thời tiếp cận được một số phương pháp, hệ thống trị liệu mới trên toàn thế giới.	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
124	Dược lâm sàng 3	Học phần Dược lâm sàng 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.	3	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
125	Kiểm nghiệm 2	Học phần Kiểm nghiệm dược phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.	3	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
126	Marketing và thị trường dược phẩm	Học phần marketing và thị trường dược phẩm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về marketing và thực tế marketing trong ngành dược, thương hiệu.	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
127	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	Vận dụng những kiến thức về dược liệu, hóa phân tích để áp dụng nghiên cứu một dược liệu cơ bản, giúp cho sinh viên củng cố lại kiến thức và phương pháp để nghiên cứu một dược liệu	4	Học kỳ IX	Điểm bài nghiên cứu 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
128	Bào chế và sinh dược học 1	Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
129	Đạo đức hành nghề dược	Học phần cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
130	Dược liệu 1	Học phần Dược liệu 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbon hydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tanin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
131	Dược xã hội học	Học phần Dược xã hội học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử ngành dược, về tổ chức y tế, tổ chức ngành dược VN, về nội dung của Luật bảo vệ sức khỏe, BHYT, chính sách quốc gia về thuốc của VN. Sinh viên còn được cung cấp kiến thức về dân số, về các thống kê y tế và vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
132	Hoá dược 1	Học phần Hóa dược 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
133	Hóa phân tích 2	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng: Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ. Trình bày được khối phổ (UV-VIS, IR, AAS, MS) và chia tách (GC, HPLC, SFC, TLC, CE Trình bày được việc phân tích thuốc.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
134	Sinh lý bệnh và miễn dịch	Học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm.	4	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
135	Bào chế và sinh dược học 2	Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
136	Độc chất học	Học phần Độc chất học cung cấp cho sinh viên kiến thức về tính chất hóa học và độc tính của các chất độc thường gặp, phản ứng phát hiện chất độc trong mẫu phân tích và cách xử lý.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
137	Dược liệu 2	Học phần Dược liệu 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.	4	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
138	Dược lý 1	Học phần Dược lý 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc. Học phần này cũng giúp sinh viên phân loại một số nhóm thuốc cơ bản; tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
139	Hóa dược 2	Học phần hóa dược 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hoá quan trọng của một số thuốc chính, thuốc thông dụng để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc	4	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
140	Hóa sinh	Cung cấp những kiến thức giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
141	Pháp chế dược	Học phần Pháp chế dược cung cấp cho sinh viên kiến thức về các qui định pháp lý cơ bản về công tác dược trong các hoạt động sản xuất, lưu thông, phân phối, tồn trữ và sử dụng thuốc	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
142	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, xác định vấn đề và lập kế hoạch nghiên cứu, thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học, phân tích dữ liệu, kỹ năng viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
143	Bệnh học	Học phần bệnh học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị các bệnh cơ bản.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
144	Dược lâm sàng 1	Học phần Dược lâm sàng 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc..	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
145	Dược lý 2	Học phần dược lý 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, và cách dùng của một số thuốc trong nhóm thuốc: thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc tác dụng trên các cơ quan và máu, hóa trị liệu, thuốc kháng histamin, hormon, vitamin...	4	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
146	Sản xuất thuốc 1	Học phần Sản xuất thuốc I cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về chất lượng thuốc, các hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất thuốc.	5	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
147	Tin học ứng dụng (dược)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần mềm thông dụng MS Word, Excel, Powerpoint để có thể sử dụng hiệu quả các phần mềm này trong công tác dược.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
148	Dược động học	Học phần dược động học cho sinh viên các kiến thức về quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc trong cơ thể.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
149	Dược học cổ truyền	Học phần Dược học cổ truyền, cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng 1 số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
150	Dược lâm sàng 2	Cung cấp những kiến thức liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Sinh viên còn được cung cấp những kiến thức để phân tích và nhận định kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng, từ đó giúp tư vấn việc lựa chọn và sử dụng thuốc cho bệnh nhân.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
151	Kiểm nghiệm 1	Học phần Kiểm nghiệm dược phẩm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, phương pháp lấy mẫu và lưu mẫu, một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc được ghi trong Dược điển Việt Nam. Sinh viên cũng thực hành kiểm nghiệm một số dạng bào chế thông dụng.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
152	Kinh tế dược	Học phần quản lý và kinh tế dược cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và doanh nghiệp dược, về quản lý kinh tế và những yếu tố đặc thù riêng của hoạt động quản lý kinh tế dược.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
153	Nhóm các GPs (GMP, GLP, GSP, GDP, GPP)	Học phần nhóm GPs (GMP, GLP, GSP, GACP) cung cấp cho sinh viên kiến thức thực hành tốt sản xuất thuốc, thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc, thực thành tốt bảo quản thuốc và thực hành nuôi trồng – thu hái dược liệu trong ngành dược.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
154	Sản xuất thuốc 2	Học phần sản xuất thuốc 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về sản xuất một số dạng thuốc phổ biến như: thuốc tiêm, viên nén, viên bao phim, vi hạt, viên nang cứng, thuốc bán rắn.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
155	Chăm sóc dược	Cung cấp cho sinh viên biết những nhu cầu được chăm sóc, khám chữa bệnh của người dân tại Đồng bằng Sông Cửu Long ngày càng cao đòi hỏi nhiều cán bộ y tế làm công tác cung ứng thuốc tại các tuyến huyện, xã hiện nay	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
156	Độ ổn định thuốc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những chỉ tiêu, những đặc điểm về ổn định thuốc	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
157	Sản xuất thuốc từ dược liệu	Học phần sản xuất thuốc từ dược liệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tạp, cô sấy để thu được, các chế phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế vài dạng thuốc đơn giản.	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
158	Thực tế 1: Quản lý và cung ứng thuốc	Học phần Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
159	Thực tế 2: Sản xuất thuốc	Học phần Thực hành Quản lý và cung ứng thuốc giúp sinh viên có những kiến thức thực tiễn liên quan đến quản lý, tồn trữ, cung ứng thuốc, và các nguyên tắc GPs có liên quan. Mặc khác rèn luyện tác phong làm việc trong môi trường nghề nghiệp thực tế.	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
160	Thực tế 3: Trung tâm kiểm nghiệm	Vận dụng những kiến thức về kiểm nghiệm, áp dụng thực tiễn vào trung tâm kiểm nghiệm trung ương	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Dược học
161	Giao tiếp trong kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng giao tiếp cơ bản có thể ứng dụng vào công việc trong môi trường kinh doanh.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
162	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
163	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
164	Hành vi khách hàng	Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của Người tiêu dùng. Những ảnh hưởng của HVNTD đối với chiến lược marketing. Mô hình hoạt động của HV NTD.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
165	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như đo lường sản lượng quốc gia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
166	Lý thuyết Tài chính- Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
167	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
168	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	Môn học Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh là môn Khoa học kinh tế-xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
169	Quản trị học	Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
170	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
171	Kinh tế lượng	Học phần kinh tế lượng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng thống kê và toán học vào đo lường, quan sát, ước lượng mô hình và dự báo định lượng các hiện tượng kinh tế.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
172	Luật kinh tế	Giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật kinh tế nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về nội dung pháp lý liên quan tới chuyên ngành đang theo học.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
173	Pháp luật kế toán	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về pháp luật kế toán từ đó vận dụng vào các tình huống kinh tế	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
174	Thuế	Giúp học sinh nắm bắt được các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
175	Anh văn chuyên ngành (Kế toán)	Sinh viên được hướng dẫn các điểm văn phạm thường gặp, cách sắp xếp các ý tưởng cả văn nói lẫn viết cũng như hiểu rõ hơn những câu nói trong giao tiếp và bài đọc hiểu nhờ vào thực hành theo cặp và nhóm trong lớp.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
176	Đạo đức kinh doanh	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về: vấn đề đạo đức trong kinh doanh như: vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong điều kiện hiện nay; vấn đề văn hóa doanh nghiệp như sự cần thiết, nhân tố hình thành, mô hình và cách thức xây dựng và quản lý văn hóa doanh nghiệp	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
177	Kế toán quản trị	Trên cơ sở tiếp cận các kỹ thuật của kế toán quản trị, sinh viên có thể tạo lập thông tin và sử dụng thông tin để đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định liên quan đến quản lý doanh nghiệp	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
178	Kế toán tài chính 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán tài chính, giúp sinh viên có thể hiểu, tổng hợp và thực hành các phần kế toán tiếp theo môn kế toán tài chính 1	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
179	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Giúp sinh viên có được cái nhìn toàn diện về tổ chức, hoạt động của ngân hàng và nắm được những kiến thức nền tảng về các nghiệp vụ ngân hàng như : huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các nghiệp vụ khác.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
180	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
181	Kế toán ngân hàng	Học phần cung cấp các kiến thức chung về những nguyên lý kế toán ngân hàng thương mại; phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; và kỹ năng lập báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
182	Kế toán chi phí	Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí tại doanh nghiệp.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
183	Kế toán đơn vị sự nghiệp	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị SN. Đồng thời giúp người học có thể vận dụng vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị SN	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
184	Kế toán tài chính 3	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán các hoạt động đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn, đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
185	Kiểm toán căn bản	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản mang tính chất nguyên lý của hoạt động kiểm toán	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
186	Phần mềm kế toán	Giúp sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin vào kế toán tài chính doanh nghiệp	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
187	Thẩm định tín dụng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay khi xử lý một hồ sơ vay vốn của khách hàng. Trang bị cho sinh viên những công cụ cơ bản để kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng nói chung..	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
188	Thiết lập và thẩm định dự án	Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò của việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. Trang bị các phương pháp luận cơ bản cho triển khai thiết lập và thẩm định một dự án. Luyện kỹ năng vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
189	Thanh toán quốc tế	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
190	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin kế toán, nhằm kiểm soát tài sản và cung cấp thông tin hữu ích kịp thời cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
191	Kế toán Mỹ	Môn học giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về hệ thống kế toán Mỹ bao gồm các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, các thủ tục cần tuân thủ và cách áp dụng các nguyên tắc, các thủ tục đó trong hạch toán kế toán theo hệ thống kế toán Mỹ.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
192	Kiểm toán 2	Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản mang tính chất nguyên lý của hoạt động kiểm toán	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
193	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần Phân tích tài chính trình giúp người học tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc sử dụng và phân tích những thông tin nhằm giúp các đối tượng có liên quan	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
194	Thị trường tài chính	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu các định chế tài chính. Cơ chế hoạt động của các từng loại thị trường... để sinh viên có thể hiểu được chức năng bản chất của thị trường tài chính, làm nền tảng giúp cho sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn các loại thị trường tài chính.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
195	Quản trị tài chính	Mục đích của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận lý thuyết thông qua tự nghiên cứu và thảo luận đồng thời giúp sinh viên giải quyết những tình huống mang tính thực tiễn thông qua các bài tập.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
196	Chuẩn mực kế toán	Qua học phần này, người học có thể hiểu và nhận thức những chuẩn mực cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành Kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán...	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
197	Kế toán và khai báo thuế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống kế toán ngân hàng thương mại và thực hành được một số nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
198	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kế toán
199	Hình học họa hình	Làm cơ sở cho các học phần chuyên môn như vẽ kỹ thuật, vẽ mỹ thuật, vẽ kiến trúc... Rèn luyện khả năng tư duy không gian cho sinh viên để góp phần nghiên cứu sáng tạo.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
200	Hội họa 1	Học phần vẽ đầu tượng giúp sinh viên nắm được	2	Học kỳ I	Điểm bài tập tổng hợp:	2018, 2019,	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		hệ thống khối diễn tả được sự vật như trong không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều, đồng thời hiểu và ứng dụng được luật phối cảnh vào vật mẫu và bước đầu nắm bắt được tỉ lệ, cấu trúc, hệ thống sáng tối, hình khối, đặc điểm mẫu của con người nhằm tạo nên môi trường vững chắc cho việc xây dựng hình tượng ở những bài tập sau này.			100%	2020, 2021, 2022	
201	Bài tập cơ sở kiến trúc 1	Nhằm cho sinh viên có cơ hội thực hành lý thuyết học phần Hình học họa hình. Trau dồi kỹ năng và thể hiện bản vẽ kỹ thuật có thẩm mỹ. Kỹ thuật căn bản sử dụng họa cụ. Nâng cao kỹ năng đọc và thể hiện bản vẽ kiến trúc.	2	Học kỳ II	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
202	Hội họa 2	Học phần giúp sinh viên nắm được hệ thống không gian nhằm diễn tả được phong cảnh trong không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều, đồng thời hiểu và ứng dụng được luật phối cảnh và nắm bắt được tỉ lệ, cấu trúc, hệ thống sáng tối, hình khối, đặc điểm vật liệu của vật thể nhằm tạo nên môi trường vững chắc cho việc thiết kế sau này.	2	Học kỳ II	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
203	Kiến trúc nhập môn	Trang bị cho sinh viên ngành kiến trúc những kiến thức nhất định về thẩm mỹ kiến trúc. Làm tiền đề giúp sinh viên tự nghiên cứu chuyên sâu vào lĩnh vực kiến trúc công trình dân dụng, qui hoạch và quản lý đô thị.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
204	Vẽ ghi kiến trúc	Cung cấp kiến thức cơ bản về vẽ ghi hiện trạng công trình kiến trúc và rèn luyện kỹ năng thực hiện bản vẽ ghi hình kiến trúc	2	Học kỳ II	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
205	Bài tập cơ sở kiến trúc 2	Nhằm giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng họa cụ, rèn luyện kỹ năng thể hiện các chi tiết kỹ thuật phức tạp, đồng thời làm quen với các hình thức cột cổ điển phương Tây.	2	học kỳ III	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
206	Cấu tạo kiến trúc 1	Trang bị những kiến thức về cấu trúc công trình phục vụ cho công tác chuyên môn và làm việc với các đối tác trong ngành xây dựng.	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
207	Điều khắc	Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp tạo hình trong không gian thực, có một tri thức khái quát về lịch sử mỹ thuật từ thời cổ đại đến thời phục hưng và từ thời phục hưng đến thời đương đại.	2	học kỳ III	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
208	Lịch sử nghệ thuật	Nội dung học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm nghệ thuật và kỹ thuật kiến trúc, các thể loại công trình đặc trưng gắn liền với bối cảnh tự nhiên – xã hội của các nền kiến trúc phương Đông tiêu biểu và kiến trúc truyền thống Việt Nam trong từng thời kì	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
209	Luật xây dựng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng. Tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động xây.	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
210	Luật xây dựng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng. Tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động xây.	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
211	Mỹ học đại cương	Chương trình trang bị những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, nhằm tạo cho sinh viên có kiến thức và có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
212	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiến trúc Nhà ở. Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc thiết kế và các tiêu chuẩn quy phạm cần thiết để có thể tiếp cận với đồ án kiến trúc Nhà ở trong nhà trường cũng như trong thực tế	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
213	Vật liệu xây dựng	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về các loại vật liệu dùng trong xây dựng: các đặc điểm, công dụng và các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng.	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
214	Bài tập cơ sở kiến trúc 3	Bài này giúp sinh viên vận dụng lý thuyết các phương pháp hình chiếu thường dùng trong bản vẽ kiến trúc, các thành phần trong một đồ án kiến trúc như: mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh và các ký hiệu, ghi chú liên quan đến chúng qua việc thể hiện một đồ án kiến trúc dân dụng nhà ở, biệt thự.	2	Học kỳ IV	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
215	Chuyên đề 1: Tạo hình – Trang trí kiến trúc	Chuyên đề này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực tạo hình và trang trí trong kiến trúc, các quy luật cơ bản trong trang trí, vai trò của tạo hình và trang trí trong quá trình thiết	2	Học kỳ IV	Báo cáo chuyên đề: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
216	Cơ học công trình	Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cơ học công trình. Giúp sinh viên nắm được cách chung nhất để kiểm tra điều kiện làm việc bình thường của một kết cấu.	3	Học kỳ IV	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
217	Bảo tồn di sản kiến trúc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui hoạch cảnh quan, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội đến qui hoạch.	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
218	Khí hậu kiến trúc	Trang bị cho sinh viên kiến thức nền cơ bản về ứng dụng vật lý địa cầu, môi trường tự nhiên và nhân tạo để có thái độ ứng xử cũng như thích ứng với hoàn cảnh kiến trúc mới trong thế kỷ mới.	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
219	Kỹ thuật thi công	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thi công đất và nền móng (những khái niệm chung, cách tính khối lượng đất, công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất,...)	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
220	Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam	Sinh viên hiểu được quá trình hình thành và phát triển các dòng kiến trúc tiêu biểu của một số nước phương Đông và Việt Nam, giúp sinh viên nhìn nhận được các nét đặc trưng và tinh thần của kiến trúc phương Đông cũng như Việt Nam trong mối quan hệ với các tác nhân xã hội và tự nhiên.	3	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
221	Tổ chức thi công	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thi công đất và nền móng (những khái niệm chung, cách tính khối lượng đất, công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất,...)	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
222	Cấu tạo kiến trúc 2	Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu được các nguyên tắc cơ bản trong việc thiết kế cấu tạo tùy thuộc vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ, vật liệu sử dụng và kỹ thuật xây dựng thích hợp.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
223	Chuyên đề 2: Kiến trúc & môi trường	Sinh viên nắm được mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường, từ đó có một cái nhìn thận trọng hơn trong cách tiếp cận vấn đề và áp dụng vào trong lý luận thiết kế kiến trúc.	2	Học kỳ V	Báo cáo chuyên đề: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
224	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, phương pháp căn bản trong việc thiết kế kiến trúc các công trình công cộng.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
225	Thiết kế nhanh 1	Trang bị cho sinh viên các phương pháp cơ bản để thiết kế phác thảo một công trình thể loại dịch vụ quy mô vừa. Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên một bản vẽ phác thảo.	1	Học kỳ V	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
226	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
227	Anh văn chuyên ngành (kiến trúc)	Giảng dạy tài liệu tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc, các vấn đề cơ bản của Kiến trúc bằng Anh ngữ, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc; hướng dẫn kỹ năng đọc hiểu chi sinh viên nhằm tạo nền tảng cho sinh viên tự đọc sách chuyên ngành kiến trúc bằng tiếng Anh trong quá trình tự nghiên cứu sau này.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
228	Cấu tạo kiến trúc 3	Hỗ trợ sinh viên các kiến thức cấu tạo loại hình công trình có không gian lớn	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
229	Chuyên đề 3: Kết cấu nhà cao tầng	Cơ bản hiểu được các nguyên lý về sự làm việc, tính toán, cấu tạo, thiết kế một số bộ phận kết cấu trong nhà cao tầng. Có khả năng phân tích, tính toán, cấu tạo một số bộ phận kết cấu trong nhà cao tầng.	2	Học kỳ VI	Báo cáo chuyên đề: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
230	Nguyên lý thiết kế kiến trúc Công nghiệp	Hỗ trợ cho sinh viên các kiến thức về thiết kế kiến trúc công nghiệp, thiết kế kiến trúc các xí nghiệp và công trình công nghiệp, ứng dụng trong đồ án công nghiệp, tốt nghiệp thể loại công nghiệp, cũng như các công trình công nghiệp thực tế.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
231	Tin học ứng dụng 2 (Revit)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản xây dựng mô hình kiến trúc khi sử dụng phần mềm Revit Architecture. Sinh viên có khả năng xây dựng mô hình 3 chiều cũng như các bản vẽ kỹ thuật kiến trúc, thao tác các lệnh vẽ và hiệu chỉnh đối tượng cũng như tư duy logic khi thực hiện đồ án thiết kế bằng phần mềm Revit Architecture.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
232	Bố cục tạo hình	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức về bố cục tạo hình, sự xuất hiện của khối, màu sắc, vật liệu,... làm thay đổi cảm nhận về không gian. Bằng kiến thức đó sinh viên dùng các chất liệu khác nhau để thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng làm mô hình và thể hiện ý tưởng, không gian	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
233	Chuyên đề 5: Kiến trúc đương đại nước ngoài	Sinh viên có khả năng nhận diện được các trào lưu kiến trúc hiện đại khác nhau, đồng thời hiểu được tinh thần và các giải pháp thiết kế, kỹ thuật đặc trưng của từng trào lưu.	2	Học kỳ VII	Báo cáo chuyên đề: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
234	Kết cấu công trình	Sinh viên có thể đề xuất hợp lý phương án kết cấu sơ bộ trong các đồ án thiết kế kiến trúc, tăng tính khả thi của đồ án kiến trúc. Những kiến thức về kết cấu sẽ giúp ích cho kiến trúc trong quá trình làm việc với kỹ sư xây dựng khi thiết kế và xây dựng công trình.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
235	Qui hoạch đô thị	Trang bị kiến thức cơ bản về qui hoạch đô thị cho sinh viên. Hiểu được mối quan hệ giữa ngành học Qui hoạch đô thị và Kiến trúc công trình. Ứng dụng được vào nghiên cứu và thực hành đồ án.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
236	Thiết kế nhanh 2	Sinh viên phân tích đề tài, xây dựng ý tưởng cũng như kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế trong một khoảng thời gian hạn chế, với đối tượng là thể loại công trình hành chính – giao dịch quy mô vừa.	1	Học kỳ VII	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
237	Âm học kiến trúc	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về âm học và các ứng dụng vào thiết kế công trình kiến trúc. Sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế qua việc thực hành tính toán và thiết kế trang âm, chống ồn trong công trình kiến trúc.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
238	Cấu tạo kiến trúc 4	Phân tích các bộ phận cấu tạo cơ bản loại hình công trình công nghiệp, trong đó tập trung các giải pháp cấu tạo điển hình của loại hình cấu tạo lắp ghép. Gồm các vấn đề cơ bản trong thiết kế cấu tạo công nghiệp, kết cấu chịu lực nhà công nghiệp 1 tầng, kết cấu chịu lực nhà công nghiệp nhiều tầng, kết cấu bao che nhà công nghiệp và bộ phận giao thông trong nhà công nghiệp.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
239	Hệ thống trang thiết bị công trình 1 – Ánh sáng	Nắm vững được các chủng loại hệ thống kỹ thuật cơ bản cần có trong công trình kiến trúc như: Hệ thống điện trong công trình, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió và điều tiết không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và tự động, hệ thống giao thông bên trong công trình kiến trúc.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
240	Hệ thống trang thiết bị công trình 2 – Cấp thoát nước	Học phân trình bày các nội dung về lý thuyết tính toán để thiết kế một hệ thống cấp hoặc thoát nước gồm công trình thu nước, mạng lưới cấp nước bên ngoài, mạng lưới cấp nước bên trong, mạng lưới thoát nước bên trong, mạng lưới thoát nước mưa và nước thải, sơ đồ xử lý nước, giới thiệu phần mềm ứng dụng cấp và thoát nước.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
241	Kiến trúc khí hậu nhiệt đới	Trang bị cho sinh viên kiến thức nền cơ bản về ứng dụng vật lý địa cầu, môi trường tự nhiên và nhân tạo để có thái độ ứng xử cũng như thích ứng với hoàn cảnh kiến trúc mới trong thế kỷ mới.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
242	Quang học kiến trúc	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiếu sáng trong kiến trúc, bao gồm chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo. Giới thiệu các tiêu chuẩn, phương pháp phân tích và tính toán quang học trong quá trình thiết kế chiếu sáng công trình kiến trúc.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
243	Thiết kế nhanh 3	Trang bị cho sinh viên các phương pháp cơ bản để thiết kế phác thảo một công trình thể loại văn hóa – giải trí. Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên một bản vẽ phác thảo.	1	Học kỳ VIII	Điểm bài tập tổng hợp: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
244	Chuyên đề tổng hợp - Kiến trúc	Các đồ án nhằm kiểm tra kiến thức và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp trong việc phân tích, xây dựng nhiệm vụ thiết kế và nghiên cứu thiết kế quần thể công trình.	6	Học kỳ X	Báo cáo chuyên đề: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
245	Phong thủy nhà ở	Giúp cho sinh viên nắm được những nguyên tắc phong thủy nhà ở cơ bản để áp dụng cho việc xây dựng nhà ở sau này	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
246	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	Giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu và viết một báo cáo khoa học. Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học trong nước và nước ngoài.	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
247	Kiến trúc cảnh quan	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui hoạch cảnh quan, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội đến qui hoạch.			Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kiến trúc
248	Lý sinh	Trình bày các khái niệm cơ bản, các quy luật Vật lý – Hoá lý, các định luật vận động trong thế giới vi mô ở mức độ phân tử, siêu phân tử. Các quy luật bảo toàn, chuyển hoá năng lượng trong thế giới sinh vật. Ứng dụng các nguyên lý vật lý y học để giải thích các hiện tượng trong cơ thể con người.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
249	Sinh học và di truyền	Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức cơ bản về sinh học ứng dụng trong Y học. Cập nhật các thông tin sinh học hiện đại dùng cho nghiên cứu Y học.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
250	Giải phẫu	Học phần Giải phẫu cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản nhất về Giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể người.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
251	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng Y khoa cơ bản thông qua hướng dẫn các thao tác, quy trình kỹ thuật ứng dụng trong việc thực hành chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
252	Bệnh học nội khoa	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và biện pháp phòng bệnh của một số bệnh nội khoa thường gặp. Cách phát hiện và xử trí một số cấp cứu nội khoa thường gặp	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
253	Bệnh học ngoại khoa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
254	Dịch tễ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
255	Kỹ thuật ghi nhận và lưu giữ hình ảnh	Học phần cung cấp những kiến thức về cách tạo hình ảnh và lưu giữ hình ảnh. Tùy thuộc điều kiện trang thiết bị tại các cơ sở, các thiết bị tạo hình ảnh và lưu giữ hình ảnh có thể từ đơn giản như buồng tối, dung dịch rửa film tới các máy rửa phim tự động, hệ thống lưu giữ hình ảnh kỹ thuật số.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
256	Mô phôi học	Giúp sinh viên mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường, giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
257	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh y học	Học phần cung cấp những kiến thức vật lý cơ bản của X quang chẩn đoán, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, siêu âm chẩn đoán, y học hạt nhân, nguyên lý hoạt động của máy chụp X quang, máy chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, siêu âm.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
258	Sinh lý	Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
259	Anh văn chuyên ngành (Hình ảnh y học)	Nội dung học phần gồm các thuật ngữ tiếng anh thường sử dụng trong chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, siêu âm, cộng hưởng từ...	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
260	Dược lý	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, thuốc kháng sinh – hoá trị liệu, kháng histamin, thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm, các hormon – kháng hormon và các vitamin.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
261	Giải phẫu hình ảnh X-quang	Cung cấp những nội dung gồm hình ảnh giải phẫu trên phim X-quang thường quy của các bộ máy vận động cơ xương khớp, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, tim mạch, thần kinh và xác định các mốc, vị trí giải phẫu trên phim hoặc trên sơ đồ.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
262	Kỹ thuật chụp X-quang 1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về giải phẫu X quang, các tư thế bệnh nhân, tiêu chuẩn chụp một phim X quang chuẩn và các kỹ thuật chụp X quang cơ bản như: chụp X quang sọ, mặt, cột sống, lồng ngực, chi trên, chi dưới, ổ bụng, hệ tiết niệu không chuẩn bị	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
263	Môi trường & sức khỏe	Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
264	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
265	Sinh lý bệnh và miễn dịch	Học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm.	4	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
266	Triệu chứng học hình ảnh	Nội dung gồm vai trò của các máy chẩn đoán hình ảnh đối với các tạng trong cơ thể và mô tả được các dấu hiệu bất thường trên phim X-quang: hình ảnh X-quang, cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ bình thường.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
267	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp vi tính	Cung cấp những nội dung gồm hình ảnh giải phẫu cắt lớp vi tính của các bộ phận trên cơ thể người như: não, lồng ngực, tiết niệu, gan... và xác định các mốc, vị trí giải phẫu trên phim hoặc trên sơ đồ.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
268	Hóa sinh	Cung cấp những kiến thức giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
269	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giải phẫu cắt lớp, đặc điểm giải phẫu trên phim chụp CT Scanner. Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chụp CLVT.	4	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
270	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giải phẫu cắt lớp, đặc điểm giải phẫu trên phim chụp CT Scanner. Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chụp CLVT.	4	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
271	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ (MRI)	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản kỹ thuật chụp cộng hưởng từ. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy chụp cộng hưởng từ, các quy trình thực hiện chụp cộng hưởng từ và các chỉ định, chống chỉ định khi thực hiện chụp cộng hưởng từ.	5	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
272	Kỹ thuật chụp X-quang 2	Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chụp X-quang cho từng khoa chuyên sâu như răng hàm mặt, tai mũi họng, vú, tiết niệu, tiêu hóa, phụ khoa, nhi khoa, chấn thương...	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
273	Kỹ thuật siêu âm	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chẩn đoán siêu âm, hình ảnh siêu âm gan, đường mật, lách, tụy, thận, bàng quang, tử cung, buồng trứng, tuyến tiền liệt.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
274	Tổ chức và quản lý y tế	Giúp sinh viên gia tổ chức và quản lý được một khoa chuẩn đoán hình ảnh; hoạt động truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng; Nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
275	Bảo trì thiết bị hình ảnh y học	Vận dụng được lý thuyết cơ bản vào những tình huống thực tế khi máy móc bị hỏng hóc thông thường để sửa chữa như đứt cầu chì, thay bóng đèn...	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
276	Can thiệp mạch máu	Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về máy móc trang bị, hóa chất, dụng cụ trong phòng chụp mạch và biết chuẩn bị dụng cụ hóa chất, thực hiện các kỹ thuật chụp mạch dưới sự chỉ đạo của bác sĩ.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
277	Kỹ thuật chụp X-quang 3	Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chụp X quang cho từng khoa chuyên sâu như răng hàm mặt, tai mũi họng, vú, tiết niệu, tiêu hóa, phụ khoa, nhi khoa, chấn thương...	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
278	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cách tổ chức và quản lý khoa CĐHA. Phân cấp về chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên trong khoa CĐHA nhằm giúp sinh viên có trình độ và ý thức trong việc bảo quản, bảo trì các thiết bị máy móc trong chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
279	Y học hạt nhân và xạ trị	Nội dung gồm các nguyên lý hoạt động của các chất đồng vị phóng xạ dùng trong y học và nguyên lý tạo ảnh Y học hạt nhân, kiến thức và kỹ năng vận hành máy.	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật hình ảnh y học
280	Đại số tuyến tính	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, cung cấp công cụ toán học và tạo năng lực tư duy toán học ở mức nhất định để sinh viên có thể tiếp thu các học phần cơ sở và chuyên ngành về	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		sau.					
281	Hình họa và vẽ kỹ thuật	Cung cấp những kiến thức để vận dụng được những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật, các tiêu chuẩn Nhà nước (TCVN) hiện hành và các tiêu chuẩn ISO để đọc và thiết kế các bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
282	Cơ học lý thuyết	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết căn bản về các quy luật chung của cơ học... Giúp cho sinh viên vận dụng các quy luật ấy để giải bài toán về chuyển động, cân bằng và tương tác của các vật thể.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
283	Toán cao cấp 1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giới hạn, liên tục, phép tính vi phân của hàm số một biến số; ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; giới hạn, liên tục, phép tính vi phân của hàm nhiều biến, chuỗi số, chuỗi hàm; phương trình vi phân.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
284	Cơ học kết cấu 1 (Tĩnh định)	Cung cấp hệ thống kiến thức về: Quy luật cấu tạo hình học của hệ phẳng; Cách xác định nội lực, chuyển vị trong các hệ thanh phẳng tĩnh định chịu tải trọng bất động và di động.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
285	Tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	Học phân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
286	Vật liệu xây dựng	Học phân trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về các loại vật liệu dùng trong xây dựng: các đặc điểm, công dụng và các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng.	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
287	Cơ học đất	Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bản chất của đất, các giả thuyết lý thuyết và thực nghiệm, các quá trình cơ học xảy ra trong đất khi chịu các tác động ở bên trong nền đất cũng như từ các yếu tố ở bên ngoài,	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
288	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)	Hình thành trong sinh viên một số kỹ năng cơ bản: Mô hình từ kết cấu thực sang sơ đồ tính, Ứng dụng nối tiếp các môn học chuyên ngành, Kỹ năng phân tích và giải quyết các bài toán kết cấu công trình thực tế;	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
289	Địa chất công trình	Môn học này giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của Địa chất công trình và Địa chất thủy văn; Trên cơ sở của các hiểu biết môn học, sinh viên sẽ lập được các phương án khảo sát Địa chất công trình cho các loại công trình cụ thể.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
290	Kết cấu bê tông cốt thép 1– Cấu kiện cơ bản	giúp sinh viên thực hiện được trình tự các bước thiết kế, thiết lập sơ đồ tính kết cấu, tính toán kết cấu, đặc điểm các chi tiết cấu tạo kết cấu bê tông cốt thép và cách trình bày bản vẽ kết cấu bê tông cốt thép nhà công nghiệp một tầng.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
291	Kỹ thuật viên kiến trúc - Thực tập (vẽ kiến trúc, kết cấu trên máy)	Giúp sinh viên áp dụng được những bài học vào vẽ kỹ thuật, kết cấu trên máy	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
292	Trắc địa	Cung cấp kiến thức về: Khái niệm cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, về hệ qui chiếu tọa độ thông dụng, các khái niệm về bản đồ, bình đồ và các phương pháp thể hiện các đối tượng trên mặt đất lên bản đồ;Đánh giá độ chính xác kết quả đo,....	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
293	Sức bền vật liệu	cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết cho tính toán độ bền, độ cứng, độ ổn định các bộ phận công trình hay chi tiết máy chịu các hình thức biến dạng cơ bản	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
294	Kỹ thuật thi công	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thi công đất và nền móng (những khái niệm chung, cách tính khối lượng đất, công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất,...)	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
295	Tổ chức thi công	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thi công đất và nền móng (những khái niệm chung, cách tính khối lượng đất, công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất,...)	2	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
296	Cấp - Thoát nước	Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống cấp nước và hệ thống thoát nước, từ đó tính toán, phân tích và thiết kế hệ thống này trong thực tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
297	Cấu kiện thép cơ bản	Cấu tạo của các loại kết cấu thép cơ bản và cách tính toán các loại kết cấu đó. Sinh viên sẽ tự nghiên cứu thêm tài liệu để có thể tính toán nhiều loại kết cấu thép khác.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
298	Kết cấu bê tông cốt thép 2 (kết cấu nhà)	Đồ án giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết và vận dụng sáng tạo để giải quyết bài toán thiết kế kết cấu khung bê tông cốt thép cụ thể.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
299	Kỹ thuật điện xây dựng	Cung cấp hệ thống kiến thức về phương pháp tính toán, thiết kế và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống chống sét cho công trình kiến trúc một cách hợp lý;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
300	Thủy lực	Học phần này giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về cân bằng, chuyển động của chất lỏng; về thủy tĩnh học, thủy động học; tính toán thủy lực đường ống và dòng chảy trong kênh; phương pháp áp dụng các quy luật cơ bản của chất lỏng để phục vụ cho việc toán tính toán thiết kế các công trình liên quan.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
301	Tin học ứng dụng kỹ thuật 2 (SAP)	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng phân tích, tính toán các bài toán chuyên ngành bằng chương trình Sap 2000. Kỹ năng này sẽ hỗ trợ cho sinh viên trong việc tính toán thiết kế đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp cũng như cho các kỹ sư khi phân tích, tính toán kết cấu công trình theo phương pháp phần tử hữu hạn.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
302	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)	Trang bị cho sinh viên lượng từ vựng cơ bản về lĩnh vực Kiến trúc và Xây dựng, giúp cho học sinh nắm được cách sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành để có khả năng đọc hiểu các tài liệu, sách, tạp chí kỹ thuật và các báo cáo khoa học về tiếng Anh, có thể giao tiếp trực tiếp trong công việc với các chuyên gia nước ngoài và có thể tiếp cận được với những thành tựu mới của tiến bộ khoa học kỹ thuật	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
303	Dự toán công trình	Giúp sinh viên lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, quyết toán công trình xây dựng;	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
304	Kết cấu nhà cao tầng bê tông cốt thép	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kết cấu của nhà cao tầng ở Việt Nam và trên thế giới qua đó vận dụng được những kiến thức vào thực tiễn	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
305	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	Cung cấp hệ thống kiến thức về các phương pháp, nguyên tắc thiết kế công trình nhà ở và công trình công cộng;	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
306	Nền và móng	Sau khi hoàn thành tốt học phần này sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về: Nền móng công trình, các loại nền, móng trong xây dựng, các phương pháp xử lý nền đất yếu. Đồng thời học phần còn cung cấp cách chọn giải pháp nền móng cho công trình, cách tính toán, thiết kế các loại móng thường gặp như: Móng đơn, móng băng, móng bè, móng cọc.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
307	Tin học ứng dụng kỹ thuật 3 (ETABS)	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng phân tích, tính toán các bài toán chuyên ngành bằng chương trình Etabs. Kỹ năng này sẽ hỗ trợ cho sinh viên trong việc tính toán thiết kế đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp cũng như cho các kỹ sư khi phân tích, tính toán kết cấu công trình theo phương pháp phần tử hữu hạn.	1	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
308	Xử lý nền đất yếu cho công trình	Giúp cho sinh viên nắm các phương pháp xử lý nền đất yếu. Đồng thời học phần còn cung cấp cách chọn giải pháp nền móng cho công trình, cách tính toán, thiết kế các loại móng thường gặp như: Móng đơn, móng băng, móng bè, móng cọc.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
309	Kết cấu thép nhà công nghiệp	Cung cấp cho sinh viên cấu tạo, tính toán khung ngang và các bộ phận khác của kết cấu nhà công nghiệp một tầng lắp ghép; Các hệ kết cấu chịu lực, sơ đồ làm việc, tải trọng tác động lên nhà nhiều tầng; Khái niệm cơ bản về tính toán kết cấu và các yêu cầu cấu tạo nhà nhiều tầng.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
310	Kỹ thuật an toàn lao động	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về những quy định của những kỹ thuật an toàn lao động liên quan đến hoạt động xây dựng. Tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động xây.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
311	Máy xây dựng	Cung cấp hệ thống kiến thức về: Những khái niệm cơ bản về máy xây dựng; Cấu tạo chung, tính năng kỹ thuật, điều kiện khai thác sử dụng của máy xây dựng; Cách tính năng suất, biện pháp tăng năng suất các loại máy chủ yếu trong thi công xây dựng.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
312	Kết cấu bê tông cốt thép đặc biệt	Môn học giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết và vận dụng sáng tạo để giải quyết bài toán thiết kế kết cấu khung bê tông cốt thép đặc biệt.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
313	Thiết kế một công trình dân dụng	Giúp sinh viên có những cơ sở thiết kế kiến trúc: trình tự thực hiện, bố cục kiến trúc, không gian chức năng, những đặc điểm về kinh tế kỹ thuật khi thiết kế những công trình dân dụng như nhà ở, chung cư, nhà làm việc, khách sạn, công trình công cộng, công trình đặc biệt, ...	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng
314	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	Giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu và viết một báo cáo khoa học. Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học trong nước và nước ngoài.	2	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xây dựng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
315	Lý sinh	Trình bày các khái niệm cơ bản, các quy luật Vật lý – Hoá lý, các định luật vận động trong thế giới vi mô ở mức độ phân tử, siêu phân tử. Các quy luật bảo toàn, chuyển hoá năng lượng trong thế giới sinh vật. Ứng dụng các nguyên lý vật lý y học để giải thích các hiện tượng trong cơ thể con người.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
316	Sinh học và di truyền	Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức cơ bản về sinh học ứng dụng trong Y học. Cập nhật các thông tin sinh học hiện đại dùng cho nghiên cứu Y học.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
317	Giải phẫu 1	Mục tiêu của môn học nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái, cấu tạo cơ thể và những biến đổi của chúng dưới tác dụng của hoạt động thể lực.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
318	An toàn sinh học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phòng thí nghiệm, các nguyên tắc sử dụng phòng thí nghiệm và tránh nhiễm chéo trong quá trình thực hành chuyên môn trong phòng thí nghiệm cũng như ở các bệnh viện	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
319	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng Y khoa cơ bản thông qua hướng dẫn các thao tác, quy trình kỹ thuật ứng dụng trong việc thực hành chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
320	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	Rèn luyện kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản chuyên ngành Vi sinh, Ký sinh trùng, biết giữ an toàn, chống lây nhiễm cho cá nhân và cộng đồng, tạo điều kiện cho học sinh tích lũy kinh nghiệm, áp dụng các kiến thức chuyên ngành và y đức đã học vào thực tiễn.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
321	Môi trường và sức khỏe	Nội dung gồm kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật. Các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng chống.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
322	Anh văn chuyên ngành (Xét nghiệm y học)	Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, vốn kiến thức tiếng anh cơ bản. Từ đó giúp sinh viên có khả năng đọc, dịch và phân tích các tài liệu liên quan đến chuyên ngành.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
323	Bệnh học nội khoa	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và biện pháp phòng bệnh của một số bệnh nội khoa thường gặp. Cách phát hiện và xử trí một số	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		cấp cứu nội khoa thường gặp					
324	Dịch tễ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
325	Dược lý	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, thuốc kháng sinh – hoá trị liệu, kháng histamin, thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm, các hormon – kháng hormon và các vitamin.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
326	Hóa sinh 1	Môn hóa sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chuyển hóa các chất sống, cơ thể sống và các rối loạn chuyển hóa gây ra bệnh tật.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
327	Sinh lý	Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
328	Vi sinh 1	Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật...đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
329	Bệnh học ngoại khoa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
330	Mô phôi học	Giúp sinh viên mô tả cấu tạo hình thái vi thể, siêu vi thể và hóa học của các mô và các bộ phận chủ yếu của những cơ quan trong cơ thể người bình thường, giải thích mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
331	Hóa sinh 2	Môn hóa sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chuyển hóa các chất sống, cơ thể sống và các rối loạn chuyển hóa gây ra bệnh tật.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
332	Huyết học tế bào 1	Khái quát các kiến thức sinh học cơ bản về máu và hình dạng, đặc điểm của các loại tế bào máu, giúp sinh viên hoàn thiện các thao tác kỹ thuật xét nghiệm về tế bào và nhận định tế bào qua kính hiển vi và máy đếm tế bào tự động, nhận định được giữa các giá trị xét nghiệm với	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		thực tế từng bệnh lý của tế bào máu.					
333	Ký sinh trùng 1	Học phần còn cung cấp các kiến thức về một số bệnh trên người, đơn bào, nấm y học cũng như các kiến thức về ký sinh trùng sốt rét và tiết túc y học	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
334	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
335	Quản lý chất lượng Phòng xét nghiệm	Học phần này bổ sung kiến thức cho sinh viên về tổ chức quản lý phòng xét nghiệm y học một cách an toàn và có hệ thống, cách thực hành tốt tại các bệnh viện.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
336	Sinh lý bệnh và miễn dịch	Học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm.	4	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
337	Vi sinh 2	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh hóa học của vi khuẩn.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
338	Hóa sinh 3	Môn hóa sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cấu tạo và chuyển hóa các chất sống, cơ thể sống và các rối loạn chuyển hóa gây ra bệnh tật.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
339	Huyết học tế bào 2	Học phần này cung cấp kiến thức, kỹ năng cơ bản về xét nghiệm tế bào, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về biến đổi hình thái học và tổ chức mô trong bệnh lý.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
340	Ký sinh trùng 2	Học phần còn cung cấp các kiến thức về một số bệnh trên người, đơn bào, nấm y học cũng như các kiến thức về ký sinh trùng sốt rét và tiết túc y học	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
341	Sinh học phân tử	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các quá trình sinh học ở mức độ phân tử đặc trưng cho sự sống diễn ra trong tế bào, các quá trình điều khiển, kiểm soát chúng trong phân chia tế bào.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
342	Vi sinh 3	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc điểm sinh lý, cấu trúc kháng nguyên, tính chất sinh hóa học của vi khuẩn.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
343	Xét nghiệm tế bào 1	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về xét nghiệm tế bào học. Từ đó sinh viên có thể thực hành một số kỹ thuật xét nghiệm tế bào và biết nhận định kết quả tế bào học trong một số trường hợp bệnh lý.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
344	Huyết học đông máu - truyền máu	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các yếu tố đông máu, cơ chế sinh lý bình thường và bệnh lý của cầm máu – đông máu, từ đó biết sơ lược cách trị liệu chống đông máu.	4	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
345	Ký sinh trùng 3	Học phần còn cung cấp các kiến thức về một số bệnh trên người, đơn bào, nấm y học cũng như các kiến thức về ký sinh trùng sốt rét và tiết túc y học	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
346	Tổ chức và quản lý y tế	Giúp sinh viên gia tổ chức và quản lý được một khoa chuẩn đoán hình ảnh; hoạt động truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng; Nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
347	Vi sinh 4	Môn học này còn hướng dẫn các kỹ thuật cơ bản được sử dụng trong các xét nghiệm vi sinh như quy trình pha chế một số môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm và làm tiêu bản, thực hiện một số phương pháp nhuộm, các phương pháp nuôi cấy vi sinh vật trên các loại môi trường.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
348	Xét nghiệm tế bào 2	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về xét nghiệm tế bào học. Từ đó sinh viên có thể thực hành một số kỹ thuật xét nghiệm tế bào và biết nhận định kết quả tế bào học trong một số trường hợp bệnh lý.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
349	Y sinh học phân tử	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về các quá trình sinh học ở mức độ phân tử đặc trưng cho sự sống diễn ra trong tế bào, các quá trình điều khiển, kiểm soát chúng trong phân chia tế bào. Những kiến thức đó làm cơ sở cho việc tiếp thu các phương pháp và kỹ thuật hiện đại để nghiên cứu và ứng dụng trong y sinh học.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
350	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Học phần này là một trong những học phần quan trọng, nội dung gồm các khái niệm về nhiễm trùng bệnh viện và các kỹ năng công tác phòng chống nhiễm trùng tại bệnh viện, kỹ năng thực hiện nội vệ sinh khoa phòng và biện pháp khử trùng – tiệt trùng trong bệnh viện.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
351	Xét nghiệm miễn dịch	Nội dung gồm kiến thức cơ bản về các phương pháp xét nghiệm miễn dịch, cách bảo trì và sửa chữa các máy xét nghiệm	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
352	Xét nghiệm tế bào (nâng cao)	Giúp sinh viên phân biệt được đặc điểm của các xét nghiệm tế bào học trong một số bệnh thường gặp. Nhận diện các đặc điểm chính của u lành và u ác. Trình bày được vai trò và ý nghĩa của kỹ thuật hình thái học trong chẩn đoán tổn thương mô và tế bào. Phân biệt được những biến đổi về hình thái học và tổ chức mô trong bệnh lý.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Kỹ thuật xét nghiệm y học
353	Kinh tế học	Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các nguyên lý kinh tế cơ bản.	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
354	Lý luận về nhà nước và pháp luật 1	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cơ bản về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
355	Nghề luật và phương pháp học luật	Sinh viên được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm, các chức danh tư pháp mà người học sau khi tốt nghiệp ngành luật có thể đảm nhận	2	học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
356	Lịch sử văn minh thế giới	Cung cấp một số khái niệm có liên quan đến môn học như văn hóa, văn minh; ý nghĩa của những thành tựu và tác động của những thành tựu đó đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
357	Lý luận nhà nước và pháp luật 2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cơ bản về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
358	Xây dựng văn bản pháp luật	Giúp cho sinh viên hiểu được những khái niệm cơ bản về xây dựng pháp luật; về kỹ thuật và trình tự thủ tục xây dựng văn bản pháp luật, thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
359	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Môn học giới thiệu lịch sử hình thành nhà nước và pháp luật; lịch sử nhà nước và pháp luật chiếm hữu nô lệ, pháp luật phong kiến, pháp luật tư sản và pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa.	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
360	Luật dân sự 1	Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
361	Luật hành chính	Cung cấp người học kiến thức liên quan đến Luật hành chính và quản lý nhà nước; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính;	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
362	Luật hiến pháp	Trang bị kiến thức về bộ máy nhà nước, về địa vị pháp lý của công dân và một số chế định pháp luật khác (bầu cử, quốc tịch).	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
363	Luật hình sự 1	SV sẽ nắm được hành vi nào là hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự, những ai phải chịu trách nhiệm hình sự; giới thiệu các nguồn để điều chỉnh mối quan hệ xã hội khi có tội phạm xảy ra	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
364	Tâm lý học tư pháp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý và hành vi của các chủ thể khác nhau trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, vụ việc dân sự, trong thi hành án hình sự, án dân sự, giúp họ có thể giải quyết hiệu quả nhiệm vụ đặt ra trong quá trình hành nghề luật sau này	2	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
365	Luật dân sự 2	Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
366	Luật hình sự 2	SV sẽ nắm được hành vi nào là hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự, những ai phải chịu trách nhiệm hình sự; giới thiệu các nguồn để điều chỉnh mối quan hệ xã hội khi có tội phạm xảy ra	3	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
367	Luật sở hữu trí tuệ	Nắm được quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ; quyền đối với giống cây trồng.	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
368	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)	Những kiến thức pháp luật về các loại hình thương nhân, đặc điểm pháp lý, thành lập, đăng ký kinh doanh của các loại hình thương nhân như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	3	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
369	Luật tổ tụng hành chính	Luật hành chính và quản lý nhà nước; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính;	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
370	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
371	Pháp luật về khiếu nại và khiếu kiện hành chính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về trình tự thủ tục khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính và thủ tục giải quyết khiếu nại, khiếu kiện vụ án hành chính	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
372	Công chứng và chứng thực	Cung cấp các kiến thức cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch bảo đảm và các thủ tục hành chính liên quan	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
373	Công pháp quốc tế	Chủ quyền quốc gia, công nhận quốc gia, thừa kế quốc gia trong Luật quốc tế; quan hệ của quốc gia đối với các chủ thể khác của Luật quốc tế; dân cư và lãnh thổ trong Luật quốc tế. Các nguyên tắc và phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế. Các cơ quan tài phán quốc tế: Tòa án Liên hiệp quốc, các tòa án quốc tế khác, trọng tài quốc tế.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
374	Luật đất đai	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về sở hữu toàn dân đối với đất đai; các nguyên tắc cơ bản và chế độ quản lý nhà nước về đất đai; quyền sử dụng đất và địa vị pháp lý của người sử dụng đất; chế độ pháp lý của một số loại đất chuyên dụng: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
375	Luật học so sánh	Cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về luật học so sánh, các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới: hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, hệ thống pháp luật Anh-Mỹ, hệ thống pháp luật của một số nước Hồi giáo và của một số nước chịu ảnh hưởng của tôn giáo; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật một số nước ASEAN và Đông Âu.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
376	Luật hôn nhân và gia đình	Giúp sinh viên nắm được nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam..	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
377	Luật ngân hàng	Học phần này giúp sinh viên luật nhận thức đặc điểm tình hình tội phạm, các nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm, nhận biết các đặc điểm nhân thân người phạm tội, tìm hiểu các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm nói riêng.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
378	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)	Cung cấp những kiến thức pháp luật về thương mại và hoạt động thương mại; các giao dịch thương mại hàng hóa; vận chuyển hàng hóa, dịch vụ giao nhận và giám định hàng hóa; hoạt động trung gian thương mại; đấu thầu, đấu giá hàng hóa và pháp luật về các dịch vụ xúc tiến thương mại	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
379	Tội phạm học	Học phần này giúp sinh viên luật nhận thức đặc điểm tình hình tội phạm, các nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm, nhận biết các đặc điểm nhân thân người phạm tội, tìm hiểu các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm nói riêng	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
380	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	Giúp cho sinh viên hiểu được những khái niệm cơ bản về xây dựng pháp luật; về kỹ thuật và trình tự thủ tục xây dựng văn bản pháp luật, thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật. Giúp sinh viên có thể soạn thảo được các văn bản hành chính, văn bản qui phạm pháp luật hiện hành.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
381	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	Giúp người học tiếp cận và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
382	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
383	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
384	Luật an sinh xã hội	Cung cấp những vấn đề chung về an sinh xã hội, những quy định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ trong lĩnh vực giải quyết việc làm, chống thất nghiệp, chăm sóc y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
385	Luật chứng khoán	Giúp cho sinh viên cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nền tảng về lịch sử hình thành, cơ chế hoạt động, chỉ báo Thị trường chứng khoán (TTCK);	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
386	Luật lao động	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách quản lý phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		hiệu quyền lợi của mình.					
387	Luật tố tụng dân sự	Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Tố tụng Dân sự với các môn học khác.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
388	Luật tố tụng hình sự	Trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về môn Luật Tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn; nâng cao nhận thức pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng, góp phần đưa pháp luật vào cuộc sống	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
389	Tư pháp quốc tế	Tư pháp quốc tế mang lại sự hiểu biết quy định của pháp luật về các quan hệ giữa công dân và pháp nhân phát sinh trong đời sống quốc tế như quan hệ sở hữu, hợp đồng thương mại quốc tế, thừa kế, hôn nhân gia đình hoặc tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài....	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
390	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	Giúp học sinh nắm bắt được các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội. Đánh giá một cách có hệ thống về các loại thuế, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế xã hội.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
391	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	Giúp người học tiếp cận và nâng cao nhận thức về hoạt động tư vấn pháp luật, trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
392	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật hôn nhân và gia đình	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
393	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
394	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
395	Luật cạnh tranh	Cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
396	Luật môi trường	Trang bị những kiến thức về nội dung cơ bản của Luật Môi trường Việt Nam. Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật về môi trường	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
397	Luật tài chính	Môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về Luật Ngân sách nhà nước, bắt đầu từ việc tìm hiểu vấn đề nền tảng liên quan đến tài chính công với ngân sách nhà nước nói chung.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
398	Pháp luật về điều ước quốc tế	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật quốc tế để hiểu rõ các khái niệm, thuật ngữ của luật quốc tế, các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh;	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
399	Pháp luật về quyền con người	Học môn học này, sinh viên sẽ tiếp nhận được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, tính và những đặc điểm cơ bản của quyền con người	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
400	Luật thương mại quốc tế	Môn học Luật thương mại quốc tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc, quy định vận hành hoạt động thương mại quốc tế đồng thời nắm vững những vấn đề pháp lý chủ yếu liên quan đến các hợp đồng thương mại quốc tế cùng các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
401	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Giúp cho sinh viên hiểu được quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
402	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	Cung cấp kiến thức, văn bản, hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam; Hiểu được vấn đề phòng chống tham nhũng của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
403	Pháp luật về trọng tài thương mại	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và thực tiễn áp dụng giải quyết tranh chấp này trong hoạt động thương mại của các thương nhân, tại một số các tổ chức trọng tài thương mại quốc tế có uy tín trên thế giới.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật
404	Thi hành án dân sự	Giúp cho sinh viên nắm bắt được sự phát triển và các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thi hành án dân sự; các quy định chung của pháp luật về thi hành án dân sự; thủ tục thi hành án dân sự; các biện pháp cưỡng chế trong quá trình thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong thi hành án dân sự.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
405	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 1	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cơ bản về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
406	Nghề luật và phương pháp học luật	Sinh viên được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm, các chức danh tư pháp mà người học sau khi tốt nghiệp ngành luật có thể đảm nhận	2	học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
407	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
408	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật 2	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, cơ bản về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và tổ chức bộ máy nhà nước	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
409	Tài chính doanh nghiệp	Môn học cung cấp những kiến thức về tài chính doanh nghiệp cho sinh viên, bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị tiền tệ theo thời gian, rủi ro và tỷ suất sinh lợi, phân tích tác động đòn bẩy lên rủi ro và tỷ suất sinh lời, nguồn vốn của công ty và phương thức huy động vốn...	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
410	Xã hội học pháp luật	Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng của xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học,...	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
411	Xây dựng văn bản pháp luật	Giúp cho sinh hiểu được những khái niệm cơ bản về xây dựng pháp luật; về kỹ thuật và trình tự thủ tục xây dựng văn bản pháp luật, thẩm quyền ban hành văn bản qui phạm pháp luật.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
412	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như đo lường sản lượng quốc gia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
413	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
414	Luật dân sự 1	Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
415	Luật hành chính	Cung cấp người học kiến thức liên quan đến Luật hành chính và quản lý nhà nước; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính; các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; quyết định hành chính; địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; địa vị pháp lý hành chính của cán bộ công chức nhà nước; địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội, địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
416	Luật hiến pháp	Trang bị kiến thức về bộ máy nhà nước, về địa vị pháp lý của công dân và một số chế định pháp luật khác (bầu cử, quốc tịch).	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
417	Luật hình sự 1	SV sẽ nắm được hành vi nào là hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự, những ai phải chịu trách nhiệm hình sự; giới thiệu các nguồn để điều chỉnh mối quan hệ xã hội khi có tội phạm xảy ra	3	học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
418	Luật so sánh	Lý luận cơ bản về luật học so sánh, các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới: hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, hệ thống pháp luật Anh-Mỹ, hệ thống pháp luật của một số nước Hồi giáo và của một số nước chịu ảnh hưởng của tôn giáo; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật một số nước ASEAN và Đông Âu.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
419	Luật thương mại 1	Những kiến thức pháp luật về các loại hình thương nhân, đặc điểm pháp lý, thành lập, đăng ký kinh doanh của các loại hình thương nhân như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, hộ kinh doanh.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
420	Quản trị học	Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
421	Luật dân sự 2	Vận dụng được các quy định pháp luật dân sự để có thể giải quyết các tình huống phát sinh thực tế liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu, những quy định về tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	3	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
422	Luật hình sự 2	SV sẽ nắm được hành vi nào là hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự, những ai phải chịu trách nhiệm hình sự; giới thiệu các nguồn để điều chỉnh mối quan hệ xã hội khi có tội phạm xảy ra	3	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
423	Luật hôn nhân gia đình	Giúp sinh viên nắm được nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam..	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
424	Luật lao động 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách quản lý phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
425	Luật sở hữu trí tuệ	Nắm được quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ; quyền đối với giống cây trồng.	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
426	Luật tổ tụng hành chính	Luật hành chính và quản lý nhà nước; đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật hành chính; quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính;	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
427	Pháp luật cộng đồng ASEAN	Lý luận cơ bản về luật học so sánh, các hệ thống pháp luật cơ bản trên thế giới: hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, hệ thống pháp luật Anh-Mỹ, hệ thống pháp luật của một số nước Hồi giáo và của một số nước chịu ảnh hưởng của tôn giáo; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa; hệ thống pháp luật một số nước ASEAN	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
428	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về Công chứng, chứng thực, giao dịch đảm bảo và các thủ tục hành chính liên quan	2	học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
429	Công pháp quốc tế	Chủ quyền quốc gia, công nhận quốc gia, thừa kế quốc gia trong Luật quốc tế; quan hệ của quốc gia đối với các chủ thể khác của Luật quốc tế; dân cư và lãnh thổ trong Luật quốc tế. Các nguyên tắc và phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế. Các cơ quan tài phán quốc tế: Tòa án Liên hiệp quốc, các tòa án quốc tế khác, trọng tài quốc tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
430	Luật đất đai	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về sở hữu toàn dân đối với đất đai; các nguyên tắc cơ bản và chế độ quản lý nhà nước về đất đai; quyền sử dụng đất và địa vị pháp lý của người sử dụng đất; chế độ pháp lý của một số loại đất chuyên dụng: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
431	Luật lao động 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui định pháp luật về lao động giúp cho sinh viên có cách quản lý phù hợp, nhằm đưa quan hệ lao động vào nề nếp, trật tự trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu quyền lợi của mình.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
432	Luật ngân hàng	Học phần này giúp sinh viên luật nhận thức đặc điểm tình hình tội phạm, các nguyên nhân dẫn đến tình hình tội phạm, nhận biết các đặc điểm nhân thân người phạm tội, tìm hiểu các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm nói riêng.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
433	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)	Cung cấp những kiến thức pháp luật về thương mại và hoạt động thương mại; các giao dịch thương mại hàng hóa; vận chuyển hàng hóa, dịch vụ giao nhận và giám định hàng hóa; hoạt động trung gian thương mại; đấu thầu, đấu giá hàng hóa và pháp luật về các dịch vụ xúc tiến thương mại	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
434	Pháp luật về thu hồi đất	Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đất đai với các môn học khác	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
435	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, cụ thể là khái niệm về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
436	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại	Giúp xác định được cách thức thực hiện quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại; Phân tích được các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng;	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
437	Kỹ năng giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giải quyết xung đột trong lĩnh vực môi trường.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
438	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
439	Kỹ năng tư vấn pháp luật về doanh nghiệp	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
440	Kỹ năng tư vấn pháp luật về lao động	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
441	Luật chứng khoán	Giúp cho sinh viên cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nền tảng về lịch sử hình thành, cơ chế hoạt động, chỉ báo Thị trường chứng khoán (TTCK); nắm vững các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
442	Luật tố tụng dân sự	Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản về giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án, môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Tố tụng Dân sự với các môn học khác.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
443	Pháp luật an sinh xã hội	Cung cấp những vấn đề chung về an sinh xã hội, những quy định pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ trong lĩnh vực giải quyết việc làm, chống thất nghiệp, chăm sóc y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, về bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội...	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
444	Tư pháp quốc tế	Tư pháp quốc tế mang lại sự hiểu biết quy định của pháp luật về các quan hệ giữa công dân và pháp nhân phát sinh trong đời sống quốc tế như quan hệ sở hữu, hợp đồng thương mại quốc tế, thừa kế, hôn nhân gia đình hoặc tổ tụng dân sự có yếu tố nước ngoài....	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
445	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	Cung cấp những quy định chung về kinh doanh bất động sản: nguyên tắc hoạt động kinh doanh bất động sản, các loại và điều kiện bất động sản được kinh doanh.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
446	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong đàm phán, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp luật trong lĩnh vực thương mại	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
447	Kỹ năng giải quyết tranh chấp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong tranh chấp và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
448	Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử	Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; kiến trúc công nghệ cho thương mại điện tử (cơ sở dữ liệu, website);	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
449	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	Giúp học sinh nắm bắt được các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội. Đánh giá một cách có hệ thống về các loại thuế, phạm vi áp dụng và sự vận hành của chúng trong nền kinh tế xã hội.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
450	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng	Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật, tạo nền tảng cho việc nghiên cứu các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
451	Kỹ năng xử lý các vụ việc cạnh tranh	Cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong xử lý các vụ việc cạnh tranh cơ bản: cạnh tranh kinh tế, đất đai, dân sự,...	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
452	Luật cạnh tranh	Cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
453	Luật đầu tư	Cung cấp những vấn đề cơ bản về đầu tư; các biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư; các biện pháp khuyến khích và bảo đảm đầu tư trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam gia nhập hoặc ký kết; giới thiệu Luật đầu tư nước ngoài của một số nước.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
454	Luật kinh doanh bất động sản	Sau khi học tập môn học này, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh BĐS ở Việt Nam, đặc biệt là các quy định về điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực BĐS.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
455	Luật môi trường	Trang bị những kiến thức về nội dung cơ bản của Luật Môi trường Việt Nam. Qua đó, người học có thể nắm được các vấn đề quan trọng của pháp luật về môi trường	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
456	Luật tài chính	Môn học cung cấp một lượng kiến thức cơ bản về Luật Ngân sách nhà nước, bắt đầu từ việc tìm hiểu vấn đề nền tảng liên quan đến tài chính công với ngân sách nhà nước nói chung.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
457	Luật thương mại quốc tế	Môn học Luật thương mại quốc tế trang bị cho sinh viên những hiểu biết nền tảng về các nguyên tắc, quy định vận hành hoạt động thương mại quốc tế đồng thời nắm vững những vấn đề pháp lý chủ yếu liên quan đến các hợp đồng thương mại quốc tế cùng các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
458	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Giúp cho sinh viên hiểu được quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
459	Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài	Những kiến thức pháp luật về thủ tục phá sản doanh nghiệp và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại: thương lượng, trung gian hòa giải, trọng tài thương mại, tòa án.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
460	Pháp luật về thương mại điện tử	Cung cấp những kiến thức pháp luật về thương mại và hoạt động thương mại; các giao dịch thương mại hàng hóa; vận chuyển hàng hóa, dịch vụ giao nhận và giám định hàng hóa; hoạt động trung gian thương mại; đấu thầu, đấu giá hàng hóa và pháp luật về các dịch vụ xúc tiến thương mại.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Luật kinh tế
461	Kinh tế học	Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các nguyên lý kinh tế cơ bản.	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
462	Lý thuyết truyền thông	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất xã hội của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
463	Xác suất thống kê	Trang bị cho SV một số kiến thức cơ bản nhất về biến cố và xác suất của biến cố, các đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, lý thuyết tương quan và hồi quy.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
464	Anh văn trung cấp I	Chương trình môn học chú trọng rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trên nền các chủ đề về kinh tế - thương mại. Ngoài khả năng giao tiếp, các kiến thức và tự vựng học được cũng hỗ trợ SV trong quá trình học tập của mình thông qua việc đọc, hiểu các tài liệu, sách báo bằng tiếng Anh có liên quan đến ngành nghề mà mình đang theo học.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
465	Cơ sở lý luận báo chí	Giúp người học hiểu được bản chất, tính mục đích của hoạt động báo chí; nắm được các nguyên tắc hành nghề, các chức năng cơ bản của báo chí, quy trình lao động tác nghiệp và những vấn đề cơ bản về nghề nghiệp báo chí – truyền thông.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
466	Marketing và tâm lý công chúng	Học phần trang bị cho người học một công cụ cơ bản để hiểu biết thị trường và nhu cầu của khách hàng	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
467	Quan hệ công chúng đại cương	Người học sẽ nắm vững cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, từ đó học tiếp các học phần chuyên ngành quan hệ công chúng. Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
468	Công cụ QHCC I	Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng viết thông cáo báo chí, viết tin bài, khả năng sắp xếp và chuẩn bị các cuộc trả lời phỏng vấn, khả năng sản xuất các bộ tài thông tin như ấn phẩm, băng hình giới thiệu, tờ rơi..., nhằm phục vụ công việc truyền thông của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	Học kỳ IV	(Thực hành 1 + Thực Hành 2 + Thực hành 3)/3	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
469	Ngôn ngữ truyền thông đại chúng	Cung cấp cho người học những đặc điểm ngôn ngữ truyền thông đại chúng nhằm vận dụng đúng đặc trưng ngôn ngữ của từng loại hình, phương tiện truyền thông là báo in, báo ảnh, báo phát thanh, truyền hình, báo điện tử, ngôn ngữ quảng cáo.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
470	Quan hệ công chúng ứng dụng I	Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về QHCC doanh nghiệp để từ đó tạo dựng cho sinh viên những kỹ năng thực hiện PR ở các doanh nghiệp.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
471	Quảng cáo đại cương	Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về quảng cáo sản phẩm, bao gồm: đối tượng, chức năng của quảng cáo và áp dụng quảng cáo cho một sản phẩm	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
472	Anh văn trung cấp II	Học phần giúp sinh viên biết các mẫu câu cơ bản và từ vựng có liên quan đến báo chí và truyền thông. Nghe, nói, đọc, viết các đoạn văn bản thuộc chuyên ngành báo chí. Trao đổi bằng tiếng Anh về lãnh vực báo chí, truyền thông	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
473	Các phương tiện báo chí truyền thông	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các phương tiện truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng, như khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng xã hội, thế mạnh và hạn chế cũng như cách thức tiếp cận, khai thác các kênh truyền thông này cho hoạt động nghề nghiệp, mô hình nhân cách chủ thể truyền thông, những khuyến nghị về cách thức giao tiếp, ứng xử.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
474	Nghiên cứu và đánh giá QHCC	Giúp người học hiểu được tầm quan trọng của nghiên cứu và đánh giá trong mọi khâu của hoạt động QHCC và truyền thông.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
475	Quan hệ công chúng ứng dụng II	Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về QHCC doanh nghiệp để từ đó tạo dựng cho sinh viên những kỹ năng thực hiện PR ở các doanh nghiệp	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
476	Tổ chức sự kiện	Học phần giới thiệu một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ QHCC đó là tổ chức các sự kiện, nhằm đạt tới những mục tiêu truyền thông của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
477	Chiến lược và chiến thuật QHCC	Cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc hoạt động của báo chí, vai trò ảnh hưởng của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội; nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
478	Công cụ QHCC ứng dụng II	Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về QHCC doanh nghiệp để từ đó tạo dựng cho sinh viên những kỹ năng thực hiện PR ở các doanh nghiệp	3	Học kỳ VI	(Thực hành 1 + Thực Hành 2 + Thực hành 3)/3	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
479	Quản lý khủng hoảng	Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản quản lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để đề phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
480	Thiết kế và trình bày QHCC	Học phần nhằm trang bị những kỹ năng thực hành trong việc sử dụng báo chí như là một công cụ cơ bản của người hoạt động QHCC. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng viết thông cáo báo chí, viết tin bài, khả năng sắp xếp và chuẩn bị các cuộc trả lời phỏng vấn, khả năng sản xuất các bộ tài liệu thông tin, các tài liệu thông tin như ấn phẩm, băng hình giới thiệu, tờ rơi..., nhằm phục vụ công việc truyền thông của cơ quan, tổ chức, cá nhân	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
481	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Học phần có vai trò quan trọng tất yếu trong việc trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về các mẫu từ vựng thuộc lãnh vực báo chí, truyền thông. Từ đó, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một số tài liệu văn bản ngắn gọn, đơn giản bằng tiếng Anh có liên quan đến ngành đào tạo.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
482	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Học phần có vai trò quan trọng tất yếu trong việc trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về các mẫu từ vựng thuộc lãnh vực báo chí, truyền thông. Từ đó, phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một số tài liệu văn bản ngắn gọn, đơn giản bằng tiếng Anh có liên quan đến ngành đào tạo.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
483	Các chuyên đề QHCC	Giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về văn hoá dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó người hoạt động trong QHCC phải có những biện pháp, phương pháp sử dụng vốn và văn hoá dân tộc trong PR	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
484	Pháp luật và đạo đức truyền thông	Học phân trang bị cho người học những tri thức cơ bản về pháp luật báo chí, sự quản lý của Nhà nước về báo chí thông qua Hiến pháp và luật, hỗ trợ người học trong quá trình xác định địa vị pháp lý của những chủ thể tham gia quá trình quan hệ công chúng với giới báo chí.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
485	Quan hệ công chúng nội bộ (Nghịệp vụ PR)	Học phân giới thiệu tổng quan về PR, Luật pháp và đạo đức trong PR, kỹ năng thiết lập quan hệ với giới truyền thông, kỹ năng tổ chức hoạt động cho giới truyền thông (hợp báo, tài trợ, ...), cũng như kỹ năng thiết lập quan hệ với khách hàng và thiết lập quan hệ quan hệ cộng đồng.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
486	Quản trị thương hiệu	Học phân nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về xây dựng hình ảnh thương hiệu của cá nhân, tổ chức kinh tế, chính trị-xã hội và của quốc gia; hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu để từ đó sinh viên hình thành và nhận thức những chiến lược và kỹ năng xây dựng, phát triển và duy trì thương hiệu	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
487	Truyền thông môi trường	Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường, phát triển bền vững và các vấn đề về PR môi trường nhằm quản lý, khai thác tốt môi trường phù hợp với sự phát triển ngày nay của thế giới. Trên cơ sở đó vận dụng để thực hiện có hiệu quả trong lĩnh vực truyền thông về môi trường	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
488	Nghệ thuật nói trước công chúng	Cung cấp cho người học những kỹ năng trình bày, giao tiếp và đàm phán là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
489	Truyền thông tiếp thị tích hợp	Học phần cung cấp những hiểu biết về kiến thức căn bản về những nguyên lý truyền thông tích hợp, các công cụ truyền thông tiếp thị tích hợp và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng
490	Truyền thông và toàn cầu hóa	Học phần cung cấp những hiểu biết về kiến thức căn bản về những nguyên lý truyền thông tích hợp, các công cụ truyền thông tiếp thị tích hợp và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quan hệ công chúng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
491	Kinh tế học	Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các nguyên lý kinh tế cơ bản.	2	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
492	Khí tượng thủy văn	Nội dung chương trình dạy đòi hỏi sinh viên phải nắm được các điều kiện tự nhiên như: khí tượng, thủy văn, hóa lý đất, dinh dưỡng và phì nhiêu đất đai, phân loại đất đai và hệ thống canh tác.; và điều kiện kinh tế xã hội.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
493	Đánh giá đất	Trang bị cho sinh viên về phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
494	Địa chất đại cương	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khoa học Địa chất bao gồm vị trí của Trái Đất trong vũ trụ, thành phần vật chất của Trái Đất (tinh thể, khoáng vật tạo đá và tạo quặng, các loại đá chủ yếu cấu thành vỏ Trái đất), các quá trình địa chất nội sinh (động đất, sóng thần, núi lửa, đứt gãy, uốn nếp) và ngoại sinh (phong hóa, hoạt động xói mòn của nước, sóng biển, của gió..) và những kiến thức đại cương về địa tầng, địa chất cấu tạo, kiến tạo cũng như tài nguyên thiên nhiên.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
495	Hệ thống canh tác	Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên môn sâu về các khái niệm hệ thống, phương pháp phân tích hệ thống canh tác và hệ sinh thái nông nghiệp.	2	Học kỳ III	Bài tập tình huống: 50% Thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
496	Tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	Học phân cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
497	Trắc địa	Cung cấp kiến thức về: Khái niệm cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, về hệ qui chiếu tọa độ thông dụng, các khái niệm về bản đồ, bình đồ và các phương pháp thể hiện các đối tượng trên mặt đất lên bản đồ;Đánh giá độ chính xác kết quả đo,....	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
498	Hệ sinh thái đất ngập nước	Giúp sinh viên có kiến thức về hệ sinh thái đất ngập nước trong nước cũng như trên thế giới; Giới thiệu cho sinh viên về các chế độ thủy văn của đất ngập nước	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
499	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	Giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các bài toán ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu, đánh giá, quản lý tài nguyên, môi trường;	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
500	Kỹ thuật bản đồ địa chính	Trong môn học này giúp sinh viên nắm được các vấn đề từ khái quát đến cụ thể liên quan đến kỹ thuật bản đồ địa chính.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
501	Quan hệ đất - cây trồng	Giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố ngoại cảnh và các yếu tố về đất đai đã ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Mối quan hệ giữa hàm lượng dưỡng chất trong đất, trong cây và năng suất cây trồng. Từ đó giúp sinh viên tìm ra các biện pháp quản trị đất thích hợp để đạt năng suất cao, phẩm chất tốt.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
502	Thổ nhưỡng	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, thành phần cấu tạo, tính chất hoá lý của đất, qui luật phân bố địa lý, về những tiến trình tương tác với môi trường xung quanh có liên quan đến độ phì của đất.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
503	Thống kê và chỉnh lý biến động đất đai	Trang bị cho SV một số kiến thức cơ bản nhất về biến cố và xác suất của biến cố, các đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, lý thuyết tương quan và hồi quy.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
504	Anh văn chuyên ngành (QLĐĐ)	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các từ ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai, giúp sinh viên hiểu biết các cấu trúc văn phạm chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, mục tiêu là tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành.					
505	Các trở ngại của đất và cách quản lý	Trang bị cho sinh viên về phương pháp nhận định vấn đề khó khăn của mỗi loại đất, cơ sở lý luận để giải quyết các trở ngại và quản lý đất có vấn đề theo hướng hiệu quả và bền vững.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
506	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	giúp cho sinh viên nắm được phương pháp xây dựng và từng bước thiết kế một cơ sở dữ liệu, xây dựng một ứng dụng phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu địa chính bằng tin học.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
507	Luật đất đai	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về sở hữu toàn dân đối với đất đai; các nguyên tắc cơ bản và chế độ quản lý nhà nước về đất đai; quyền sử dụng đất và địa vị pháp lý của người sử dụng đất; chế độ pháp lý của một số loại đất chuyên dụng: đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất ở.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
508	Môi trường và sự phát triển đô thị	Xây dựng cho học viên những nhận thức cần thiết để có những hành động cụ thể trong việc quản lý và thực hiện luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước, góp phần tích cực cho việc phát triển bền vững và Bảo vệ môi trường đô thị trong nước.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
509	Phân hạng và định giá đất đai	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về công tác phân hạng đất hiện nay, các yếu tố ảnh hưởng đến việc phân hạng.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
510	Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về tiến trình tham gia của cộng đồng trong công tác thu thập thông tin và phân tích thông tin.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
511	Quản lý hành chính về đất đai	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất đối với quản lý nhà nước về đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
512	Quy hoạch phát triển nông thôn	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về nông thôn, điều kiện phát triển tại các vùng nông thôn; Trang bị cho sinh viên về phương pháp phân tích và tình hình kinh tế xã hội ở nông thôn, từ đó làm cơ sở cho sinh viên phân chia sử dụng đất đai trong thực tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
513	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	Giới thiệu đặc điểm của một số hệ thống chụp ảnh viễn thám, nguyên lý và phương pháp xử lý giải đoán ảnh viễn thám kỹ thuật số và một số ứng dụng của ảnh viễn thám.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
514	Bạc màu và bảo vệ đất đai	Trang bị cho sinh viên kiến thức hiểu biết các tiến trình bạc màu đất, kiến thức về các kiểu bạc màu đất quan trọng nhất, phân biệt các loại hình bạc màu đất khác nhau và biết đánh giá, quản lý tốt tài nguyên đất đai.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
515	Hệ sinh thái nông nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về hệ sinh thái nông nghiệp, giúp quản lý và phát triển nông nghiệp bền vững.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
516	Lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về cách thức lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính hiện nay tại các Sở Tài nguyên môi trường.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
517	Pháp luật về tài nguyên và môi trường	Giúp sinh viên tìm hiểu về pháp luật đất đai và quy định liên quan đến lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
518	Phương pháp nghiên cứu khoa học đất đai	Giúp sinh viên nắm được phương pháp và kỹ năng tham khảo tài liệu, bố trí thí nghiệm và thu thập thông tin, viết báo cáo khoa học và đề tài tốt nghiệp, phương pháp trình bày báo cáo khoa học.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
519	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	Giới thiệu cho sinh viên hiểu một cách khái quát nhu cầu phát triển của công nghệ thông tin và đặc biệt ứng dụng trong quản lý nguồn tài nguyên về đất đai, quản lý môi trường,...	1	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
520	Quy hoạch phát triển đô thị	Giúp sinh viên nắm được các yêu cầu cơ bản trong việc bố cục không gian kiến trúc ở một khu chức năng hoặc toàn đô thị;	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
521	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của cơ sở sinh thái học và một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường; các hệ quả về sinh thái do ô nhiễm môi trường. Ứng dụng các nguyên lý của sinh thái học vào quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Giới thiệu tổng quát về biến đổi khí hậu, liên quan giữa ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
522	Đánh giá tác động môi trường	Mục tiêu của môn học hướng tới đào tạo cho sinh viên kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực ngành Quản lý đất đai và kỹ năng thực hiện công tác quản lý môi trường theo xu hướng phát triển hiện đại	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
523	Nông nghiệp sạch và bền vững	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự cần thiết sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ ở ĐBSCL. Giúp SV nắm được yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ ở các thị trường trên thế giới, kỹ thuật canh tác và quản lý hệ thống nông nghiệp sạch.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
524	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính	Môn học Phân tích thiết kế hệ thống thông tin nhằm giúp sinh viên hiểu các cách tiếp cận để tìm hiểu và xây dựng một hệ thống thông tin. Môn học tạo cơ sở để sinh viên có thể thiết kế cơ sở dữ liệu cho các môn học liên quan đến hệ thống thông tin địa lý (GIS).	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
525	Quản lý và phân tích thị trường nhà đất	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và làm thế nào ứng dụng các môn chuyên ngành đã học vào công tác quản lý thị trường đất đai hiện nay; Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và giá trị đất đai thông qua thị trường đất đai;	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
526	Quản trị dự án đầu tư	Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý dự án công nghệ thông tin cho các loại hình dự án trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
527	Quy hoạch phân bố sử dụng đất đai	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về quy hoạch sử dụng đất đai và biết làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn trong sử dụng đất đai;	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
528	Rèn nghề: Quản lý đất đai	Giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức để có thể phân loại được cơ bản phẫu diện đất, các đặc tính hình thái, lý hoá học của một loại đất đã được phân loại Giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức để thành lập được bản đồ đất	2	Học kỳ VII	Báo cáo kết quả thực hiện tình huống cụ thể ở địa phương với nội dung và yêu cầu đã được đề xuất: 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
529	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thanh tra và cách giải quyết những vấn đề liên quan đến việc tranh chấp đất đai, khiếu nại và giải quyết khiếu nại cũng như là các hình thức giải quyết khiếu nại và tố cáo đất đai	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
530	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Có kiến thức chuyên ngành về quản lý thông tin đất đai, pháp luật đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai, quản lý và đánh giá tác động môi trường.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
531	Phong thủy	Nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản của học thuyết phong thủy, các ứng dụng trong bố trí thiết kế cảnh quan và một số ứng dụng hiện nay.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
532	Quản lý và khai thác tài nguyên đất đai	Giúp sinh viên nắm bắt được các vấn đề cơ bản về đất đai và biết làm thế nào để xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý Đất đai
533	Cơ sở khoa học môi trường	Môn học trang bị cho học viên kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản lý môi trường. Học viên sau khi hoàn tất học phần này có khả năng viết đề cương để thực hiện các nghiên cứu khoa học nói chung và trong lĩnh vực quản lý môi trường nói riêng.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
534	Hóa phân tích	Học phần hóa phân tích 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxi hóa - khử, kết tủa, khối lượng.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
535	Khí tượng thủy văn	Nội dung chương trình dạy đòi hỏi sinh viên phải nắm được các điều kiện tự nhiên như: khí tượng, thủy văn, hóa lý đất, dinh dưỡng và phì nhiêu đất đai, phân loại đất đai và hệ thống canh tác.; và điều kiện kinh tế xã hội.	2	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
536	Quản lý tài nguyên và môi trường	Môn học trình bày các lý thuyết về công cụ kinh tế được sử dụng để phân tích và đo lường các mối liên hệ giữa kinh tế và môi trường để có những quyết định đúng đắn quản lý khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên một cách bền vững và bảo vệ môi trường	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
537	Tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
538	Trắc địa	Cung cấp kiến thức về: Khái niệm cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, về hệ qui chiếu tọa độ thông dụng, các khái niệm về bản đồ, bình đồ và các phương pháp thể hiện các đối tượng trên mặt đất lên bản đồ;Đánh giá độ chính xác kết quả đo,....	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
539	Hệ thống thông tin địa lý và viễn thám	Giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức được trang bị để xử lý và giải đáp các bài toán ứng dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu, đánh giá, quản lý tài nguyên, môi trường;	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
540	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	Trang bị cho sinh viên một số vấn đề bảo hiểm lao động và an toàn lao động: các quy định về an toàn của nhà nước, an toàn một số máy thiết bị cơ khí, an toàn trong lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
541	Cấp - Thoát nước	Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống cấp nước và hệ thống thoát nước, từ đó tính toán, phân tích và thiết kế hệ thống này trong thực tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
542	Công nghệ môi trường	Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các khái niệm, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác QLCLMT. Đồng thời các công cụ QLCLMT, một số giải pháp quản lý chất lượng đất, nước, không khí ở Việt nam và trên thế giới	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
543	Độc học môi trường	Giúp sinh viên có các kiến thức cần thiết để quản lý hiệu quả chất thải nguy hại và giảm thiểu tác hại của chúng đối với môi trường.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
544	Quản lý môi trường đô thị & Khu công nghiệp	Cung cấp kiến thức cơ bản về đô thị và Khu công nghiệp. Cơ cấu và đặc điểm của hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường. Các công cụ quản lý môi trường đô thị và Khu công nghiệp. Tầm nhìn và chiến lược quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
545	Quản lý tài nguyên đất đai	Cung cấp các vấn đề cơ bản về đất đai và nguồn tài nguyên đất đai. Cách thành phần tự nhiên của nguồn tài nguyên tự nhiên của đất đai.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
546	Quản lý tài nguyên rừng	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tầm quan trọng của tài nguyên rừng; các kiểu hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam và đồng bằng Sông Cửu Long; nguyên nhân gây suy thoái tài nguyên rừng trên thế giới, ở Việt Nam và đồng bằng Sông Cửu Long;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
547	Thủy lực	Học phần này giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về cân bằng, chuyển động của chất lỏng; về thủy tĩnh học, thủy động học; tính toán thủy lực đường ống và dòng chảy trong kênh; phương pháp áp dụng các quy luật cơ bản của chất lỏng để phục vụ cho việc toán tính toán thiết kế các công trình liên quan.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
548	Anh văn chuyên ngành (môi trường)	Cung cấp cho sinh viên một số từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong ngành môi trường để phục vụ cho mục đích nghiên cứu và học tập	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
549	Chất lượng nước	Tổng quan về nguồn tài nguyên nước ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng. Bên cạnh đó, trang bị cho sinh viên các phương pháp, công cụ và kỹ năng hỗ trợ công tác quản lý chất lượng nước.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
550	Chỉ thị sinh vật môi trường	Học phân cung cấp các kiến thức đại cương về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống của tế bào, các cơ chế di truyền, cấu tạo cơ thể của thực vật, động vật và cái nhìn tổng quát về sự đa dạng sinh giới.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
551	Dân số - sức khỏe - môi trường	Học phân cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về dân số; kiến thức về tình hình phát triển dân số trên thế giới và ở Việt Nam; các quan điểm về dân số và tầm quan trọng của vấn đề dân số đến sự phát triển kinh tế xã hội;	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
552	Kỹ thuật xử lý nước thải	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các nguyên lý của các qui trình xử lý nước thải. Sinh viên được giới thiệu về nguyên lý các qui trình, thiết kế một số công đoạn của qui trình, vận hành các qui trình Sau học phân sinh viên sẽ nắm vững các kiến thức về hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh của một cơ sở sản xuất.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
553	Pháp luật về tài nguyên và môi trường	Giúp sinh viên tìm hiểu về pháp luật đất đai và quy định liên quan đến lĩnh vực đất đai, tài nguyên và môi trường.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
554	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hiện trạng môi trường nông nghiệp ở Việt nam và Thế giới. Các tập quán sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, tình hình sử dụng tài nguyên đất, nước, sinh vật...	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
555	Quan trắc và phân tích môi trường	Giúp cho sinh viên Hiểu được vai trò và tầm quan trọng của quan trắc môi trường trong quản lý, bảo vệ môi trường và các ứng dụng khác	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
556	Quy hoạch môi trường	Cung cấp các kiến thức cơ bản, khái niệm về quy hoạch trong các lĩnh vực môi trường như: đất, nước, không khí... Nhận biết các khía cạnh liên quan đến chất lượng môi trường để thực hiện quy hoạch được tốt hơn	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
557	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của cơ sở sinh thái học và một số hệ sinh thái điển hình liên quan đến bảo vệ môi trường; các hệ quả về sinh thái do ô nhiễm môi trường. Ứng dụng các nguyên lý của sinh thái học vào quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Giới thiệu tổng quát về biến đổi khí hậu, liên quan giữa ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
558	Thống kê phép thí nghiệm môi trường	Biết được cách bố trí thí nghiệm và cách thu thập số liệu trong nghiên cứu về môi trường. Hiểu được cách tính toán, phân tích để giải thích số liệu theo mục tiêu đã đặt ra trong thí nghiệm hay khi thu thập số liệu điều tra Vận dụng được các công thức và phương pháp xử lý số liệu, phân tích số liệu áp dụng vào kết quả thu thập từ thí nghiệm hay điều tra phỏng vấn Vận dụng kết quả phân tích thống kê vào báo cáo khoa học	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
559	Tính toán và dự báo nhu cầu nước dùng	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn tài nguyên nước, giúp tính toán nhu cầu sử dụng nước và đưa ra dự báo về tình hình trên	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
560	Xử lý ô nhiễm và thoái hóa đất	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường đất và sự ô nhiễm của đất từ các nguồn chất thải sinh hoạt, nông nghiệp và công nghiệp. Tính toán sự di chuyển, chuyển hoá các chất ô nhiễm trong môi trường đất. Đánh giá mức độ ô nhiễm đất và giới thiệu các kỹ thuật xử lý để khôi phục các vùng đất đã bị ô nhiễm	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
561	Đánh giá tác động môi trường	Mục tiêu của môn học hướng tới đào tạo cho sinh viên kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực ngành Quản lý đất đai và kỹ năng thực hiện công tác quản lý môi trường theo xu hướng phát triển hiện đại	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
562	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	Cung cấp kiến thức cho sinh viên về công tác quản lý và kiểm soát môi trường không khí. Giúp sinh viên nắm rõ các khái niệm, nhận biết tác nhân gây ô nhiễm và các phương pháp đo đạc, đánh giá mức độ ô nhiễm không khí và tiếng ồn;	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
563	Kiểm toán tài nguyên và môi trường*	Giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, ISO 14001; phương pháp kiểm toán môi trường; phương pháp kiểm toán chất thải. Qua đó, có thể xây dựng một chương trình kiểm toán môi trường thực tế.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
564	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Môn học cung cấp các kiến thức về quản lý tổng hợp chất thải rắn cho sinh viên.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
565	Quản lý đất ngập nước	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, chức năng, ... đất ngập nước.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
566	Quản lý dự án đầu tư môi trường	Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên vào kỹ năng quản lý dự án đầu tư môi trường	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
567	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vùng biển Việt Nam và các đại dương trên thế giới; các nguồn tài nguyên biển quan trọng như tài nguyên khoáng sản, tài nguyên dầu khí, tài nguyên sinh vật biển, tài nguyên du lịch, tài nguyên năng lượng, tài nguyên giao thông vận tải biển.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
568	Thanh tra bảo vệ môi trường	Vận dụng những kiến thức cơ bản các môn đã học vào việc bảo vệ môi trường và hướng dẫn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở, nhà máy, xí nghiệp.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
569	Thiên tai và quản lý rủi ro	Nắm vững kiến thức của công tác quản lý thiên tai thảm họa. Giới thiệu các nguyên tắc trong quản lý thiên tai và giảng dạy các kiến thức và kỹ năng cần thiết để ứng dụng các thông tin khóa học vào các tình huống cụ thể hay cho một khu vực quản lý. Giúp học viên làm quen với các nguyên tắc làm việc với bản đồ và các dữ liệu hình ảnh và địa lý không gian khi chuẩn bị và ứng phó với thiên tai.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
570	Truyền thông tài nguyên và môi trường	Học phần kỹ thuật truyền thông môi trường cung cấp cho học viên những kiến thức hiểu biết cơ bản về môi trường và mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và môi trường.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
571	Đánh giá chất lượng đất, nước và không khí	Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các khái niệm, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác QLCLMT. Đồng thời các công cụ QLCLMT, một số giải pháp quản lý chất lượng đất, nước, không khí ở Việt nam và trên thế giới cũng được thảo luận trong môn học	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
572	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Có kiến thức chuyên ngành về quản lý thông tin đất đai, pháp luật đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai, quản lý và đánh giá tác động môi trường.	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
573	Mô hình hóa môi trường	Mô hình hoá Môi trường là môn cơ sở kỹ thuật, do đó các sinh viên cần nắm rõ các kiến thức sau: Vai trò của mô hình hóa trong quản lý môi trường;	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
574	Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường	Giúp cho sinh viên nắm những phương pháp để nghiên cứu và viết bài báo khoa học liên quan đến công trình xây dựng	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
575	Quản lý tài nguyên TN trên cơ sở cộng đồng	Nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về TNTN, suy thoái và hao mòn nguồn tài nguyên. Các khái niệm cơ bản về đa dạng sinh học, sinh thái học và bảo tồn TNTN và hình thức sử dụng TNTN thông qua canh tác nông nghiệp và phát triển công nghiệp.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
576	Quy hoạch và quản lý tài nguyên nước	Cung cấp các kiến thức cơ bản, khái niệm về quy hoạch trong các lĩnh vực môi trường như: đất, nước, không khí...	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
577	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trang bị cho SV một số kiến thức cơ bản nhất về biến cố và xác suất của biến cố, các đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, lý thuyết tương quan và hồi quy.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
578	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
579	Anh văn trung cấp I	Chương trình môn học chú trọng rèn luyện và phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trên nền các chủ đề về kinh tế - thương mại. Ngoài khả năng giao tiếp, các kiến thức và tự vựng học được cũng hỗ trợ SV trong quá trình học tập của mình thông qua việc đọc, hiểu các tài liệu, sách báo bằng tiếng Anh có liên quan đến ngành nghề mà mình đang theo học.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
580	Di sản văn hóa	Cung cấp và giới thiệu cho sinh viên các khái niệm, tiêu chuẩn đánh giá, bình chọn, biểu tượng về Di sản thế giới, các Di sản thế giới trên thế giới và ở Việt Nam.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
581	Địa lý kinh tế	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển và phương pháp đánh giá mặt tích cực và tiêu cực của các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp cho SV những kiến thức về cơ sở lý luận tổ chức không gian kinh tế - xã hội và vận dụng những kiến thức này vào tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
582	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như đo lường sản lượng quốc gia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
583	Lịch sử văn minh thế giới	Cung cấp một số khái niệm có liên quan đến môn học như văn hóa, văn minh; ý nghĩa của những thành tựu và tác động của những thành tựu đó đối với tiến trình phát triển của xã hội loài người.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
584	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
585	Quản trị học	Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
586	Luật du lịch Việt Nam	Cung cấp các kiến thức cơ bản về du lịch và hoạt động du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, quản lý về hoạt động kinh doanh du lịch, quy chế pháp lý đối với hướng dẫn viên du lịch và các lao động phục vụ trong ngành du lịch..	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
587	Quản trị nhân lực	Môn Quản trị nhân lực trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách thức thu hút nhân sự, đào tạo-phát triển đội ngũ nhân sự cũng như duy trì nhân sự trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ sao cho hiệu quả.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
588	Tổng quan du lịch	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản chung nhất về du lịch . Đề cập tới việc vận dụng các khái niệm , các phạm trù và các mối quan hệ trong thực tiễn hoạt động du lịch.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
589	Kinh tế du lịch	Trang bị những kiến thức khái quát như: khái niệm, lịch sử hình thành, xu hướng phát triển, ý nghĩa kinh tế; nhu cầu, loại hình và những lĩnh vực kinh doanh du lịch; điều kiện du lịch; tính thời vụ trong du lịch.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
590	Marketing du lịch và khách sạn, nhà hàng	Học phần cung cấp các hiểu biết và kiến thức căn bản về Marketing du lịch và sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh nhà hàng, khách sạn.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
591	Quản trị lễ tân	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về chức năng, nhiệm vụ các chức danh trong bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa các bộ phận và các công việc phải làm của bộ phận lễ tân từ lúc khách đặt phòng cho đến khi khách đến nhận phòng	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
592	Tác động môi trường của du lịch	Môn này tập trung nghiên cứu tác động của du lịch vào môi trường, gồm tác động tích cực và tiêu cực, từ cấp độ khu vực đến cấp độ toàn cầu.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
593	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học để hiểu tâm lý du khách, đặc điểm tâm lý du khách các vùng trên thế giới. Những cơ sở khoa học của giao tiếp, những quy tắc, yêu cầu về lời nói của người hướng dẫn viên du lịch, những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
594	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	Môn học cung cấp cho sinh viên thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch; trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết của các nghiệp vụ trong ngành du lịch.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
595	Tổ chức sự kiện	Học phần cung cấp lý thuyết và những trường hợp từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng tổ chức như lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện, quản lý ngân sách, nhân sự, thời gian, quảng bá, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức họp báo, sự kiện thể thao, lễ hội, hội thảo ở các cấp độ, quy mô khác nhau	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
596	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Cung cấp kiến thức lý luận về tuyến, điểm du lịch; tổng quan về điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch và kết cấu hạ tầng của Việt Nam, đồng thời giới thiệu về đặc trưng, các loại hình du lịch và các tuyến điểm du lịch quan trọng của các vùng du lịch Việt Nam	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
597	Địa lý du lịch	Học phân nhằm vào việc cung cấp cho SV các mô hình phân tích về địa lý các địa danh du lịch nổi tiếng trên thế giới để từ đó rút ra các kinh nghiệm trong khai thác tài nguyên địa dư để tạo ra hấp dẫn du lịch. SV sẽ được trình bày các mô hình phân tích dựa theo các phương pháp hiện đại về địa lý học.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
598	Du lịch thể thao và giải trí	Môn học thể thao và giải trí trang bị cho SV khả năng hiểu biết về việc tổ chức và kinh doanh các loại hình du lịch kết hợp với các hoạt động thể thao, các hoạt động giải trí tiêu biểu. Quá đó, SV nắm rõ các nguyên lý quản trị, khiên khai và vận hành các sản phẩm du lịch thuộc loại hình này. Bên cạnh đó, hiểu về xu hướng phát triển của loại hình này trong tương lai.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
599	Hành vi khách hàng du lịch	Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của Người tiêu dùng. Những ảnh hưởng của HVNTD đối với chiến lược marketing. Mô hình hoạt động của HV NTD.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
600	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Học phân cung cấp cho người học kiến thức căn bản về hướng dẫn du lịch bao gồm các vấn đề sau: Du lịch và vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch; Những yêu cầu cơ bản đối với hướng dẫn viên du lịch; Những yếu tố tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch; Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch; Xử lý tình huống trong hướng dẫn du lịch.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
601	Quản trị kinh doanh lưu trú	Học phân cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị kinh doanh khách sạn gồm: tổ chức bộ máy khách sạn; quản trị nhân sự khách sạn; tổ chức kinh doanh lưu trú khách sạn; tổ chức hoạt động marketing khách sạn; quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn quản trị tài chính khách sạn	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
602	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Học phân cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị kinh doanh nhà hàng; tổ chức hoạt động marketing nhà hàng; quản trị chất lượng dịch vụ nhà hàng; quản trị tài chính nhà hàng, là học phần lý thuyết chuyên ngành.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
603	Thương mại điện tử	Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; kiến trúc công nghệ cho thương mại điện tử (cơ sở dữ liệu, website);	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
604	Phát triển sản phẩm lữ hành	Mục tiêu của môn học phát triển sản phẩm lữ hành là trang bị cho SV chuyên ngành quản trị lữ hành có khả năng nghiên cứu về sự phát triển của các loại hình sản phẩm du lịch	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
605	Quản trị ẩm thực	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thương phẩm học hàng thực phẩm và dinh dưỡng học, khẩu vị và phong tục tập quán ăn uống của Việt Nam và một số nước trên thế giới;	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
606	Quản trị chiến lược	Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; Lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập; Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
607	Quản trị dạ tiệc, hội nghị	Học phần trang bị kiến thức cho sinh viên biết cách tổ chức và quản lý các cuộc hội nghị hội thảo được tổ chức trong khách sạn;	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
608	Quản trị khu du lịch	Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý và kinh doanh Khu du lịch; hoạch định các dịch vụ phục vụ, tổ chức các bộ phận đón tiếp, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí của du khách khi lưu trú tại Resort	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
609	Quản trị kinh doanh lữ hành	Học phân cung cấp các kiến thức căn bản về quản trị kinh doanh lữ hành bao gồm: khái niệm lữ hành, doanh nghiệp lữ hành, xây dựng chương trình tour du lịch, Bán sản phẩm tour, đánh giá chất lượng doanh nghiệp lữ hành.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
610	Quản trị thương hiệu	Học phân nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về xây dựng hình ảnh thương hiệu của cá nhân, tổ chức kinh tế, chính trị-xã hội và của quốc gia; hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu để từ đó sinh viên hình thành và nhận thức những chiến lược và kỹ năng xây dựng, phát triển và duy trì thương hiệu	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
611	Thiết kế và điều hành tour du lịch	Học phân trang bị cho người học những công việc cơ bản của công tác thiết kế và điều hành tour, biết cách cập nhật và sử dụng kiến thức về các tuyến điểm du lịch, các đối tác và những sản phẩm cơ bản của doanh nghiệp, những tài liệu cần thiết và khả năng tìm kiếm và chuẩn bị những tài liệu cho khách hàng.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
612	Du lịch sinh thái	Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch	2	Học kỳ VIII	Điểm báo cáo thực tập 70% Điểm đánh giá - nhận xét nơi thực tập 30%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		sinh thái các khu bảo tồn, Vườn quốc gia,....					
613	Phục vụ buồng, bàn, quầy bar	Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ cụ thể, bao gồm: nghiệp vụ phục vụ buồng từ công tác chuẩn bị, sắp xếp xe đẩy, phục vụ khách trong thời gian lưu trú...; nghiệp vụ phục vụ bàn: trang phục và vệ sinh các nhân, cách hành xử chuyên nghiệp, tiếp đón khách, phục vụ khách... và nghiệp vụ phục vụ quầy bar gồm thao tác phục vụ, các loại đồ uống cơ bản....	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lễ hành
614	Ứng dụng CNTT trong du lịch	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch như khai thác nguồn thông tin trên mạng, phân tích và xử lý dữ liệu, trình bày các thông tin du lịch một cách khoa học và sinh động để phục vụ tuyên truyền quảng bá du lịch	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lễ hành
615	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trang bị cho SV một số kiến thức cơ bản nhất về biến cố và xác suất của biến cố, các đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, lý thuyết tương quan và hồi quy.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
616	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
617	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
618	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như đo lường sản lượng quốc gia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
619	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
620	Hành vi khách hàng	Nâng cao sự hiểu biết chung về một khía cạnh chủ yếu của hành vi con người. Những nhân tố tác động đến quá trình ra quyết định mua sắm của Người tiêu dùng. Những ảnh hưởng của HVNTD đối với chiến lược marketing. Mô hình hoạt động của HV NTD.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
621	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	Môn học Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh là môn Khoa học kinh tế-xã hội, môn học nghiên cứu những kiến thức về tâm lý người lao động, tâm lý người mua, kỹ năng giao tiếp trong điều kiện thực tế kinh doanh hiện nay.	2	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
622	Quản trị học	Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
623	Hành vi tổ chức	Cung cấp những kiến thức về các vấn đề đổi mới và phát triển tổ chức: Những tồn tại và thích ứng của tổ chức, sự thay đổi tổ chức, quá trình phát triển của tổ chức, các yếu tố cản trở sự thay đổi tổ chức và các biện pháp khắc phục những cản trở đối với sự thay đổi tổ chức.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
624	Kinh tế lượng	Học phần kinh tế lượng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng thống kê và toán học vào đo lường, quan sát, ước lượng mô hình và dự báo định lượng các hiện tượng kinh tế.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
625	Luật kinh tế	Giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật kinh tế nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về nội dung pháp lý liên quan tới chuyên ngành đang theo học.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
626	Nghiên cứu Marketing	Môn học này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu kinh tế trong nền kinh tế thị trường, đồng thời cũng giúp sinh viên cách thức tiến hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin thị trường một cách khoa học phục vụ cho quá trình ra quyết	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		định kinh doanh.					
627	Quản trị hành chính văn phòng	Cung cấp kiến thức cho sinh viên lên kế hoạch, lịch thời biểu công tác, thời biểu dự án, cần phải quản trị thông tin, quản trị hồ sơ, cần phải hoạch định tổ chức các cuộc hội họp, hội nghị và các chuyến đi công tác;	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
628	Quản trị nhân lực	Môn Quản trị nhân lực trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách thức thu hút nhân sự, đào tạo-phát triển đội ngũ nhân sự cũng như duy trì nhân sự trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ sao cho hiệu quả.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
629	Anh văn chuyên ngành 1 (QTKD)	Anh văn chuyên ngành cung cấp những từ ngữ cơ bản về giao tiếp trong ngành quản trị kinh doanh vào trong thực tế	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
630	Kế toán tài chính	Trang bị cho sinh viên kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp, cụ thể là kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên liệu công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
631	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lãnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
632	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng là môn học nghiên cứu hoạt động bán hàng và cách thức tổ chức, quản lý hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
633	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, cụ thể là khái niệm về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp;	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
634	Kế toán quản trị	Trên cơ sở tiếp cận các kỹ thuật của kế toán quản trị, sinh viên có thể tạo lập thông tin và sử dụng thông tin để đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định liên quan đến quản lý doanh nghiệp	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
635	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)	Cung cấp cho sinh viên một số từ vựng và khái niệm cơ bản về kinh tế, quản trị thông qua các chủ đề phổ biến, đồng thời cung cấp một số cấu trúc văn phạm và các kỹ năng đọc hiểu cần thiết để đọc các tài liệu tiếng Anh phục vụ cho quá trình làm việc và nghiên cứu của sinh viên	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
636	Hệ thống thông tin quản lý	Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về quản trị hệ thống thông tin; có khả năng xử lý, tổ chức lưu trữ dữ liệu, khai thác thông tin phục vụ cho dự báo và ra quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
637	Quản trị chất lượng	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: chất lượng, chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, quản trị chất lượng sản phẩm, chi phí chất lượng, các công cụ quản trị chất lượng và một số hệ thống quản trị chất lượng đang được áp dụng phổ biến hiện nay	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
638	Quản trị sản xuất	Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò quản trị sản xuất-tác nghiệp trong tổ chức. Cung cấp kiến thức cơ bản về thiết kế và vận hành hệ thống sản xuất.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
639	Thiết lập và thẩm định dự án	Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò của việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. Trang bị các phương pháp luận cơ bản cho triển khai thiết lập và thẩm định một dự án. Luyện kỹ năng vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
640	Thương mại điện tử	Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; kiến trúc công nghệ cho thương mại điện tử (cơ sở dữ liệu, website);	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
641	Quản trị chiến lược	Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm chiến lược và quản lý chiến lược; Lập được một chiến lược cụ thể trong hoạt động kinh doanh; Tổ chức thực hiện chiến lược đã lập; Quản lý, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược cụ thể.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
642	Quản trị Marketing	Trang bị tổng thể kiến thức luận về lĩnh vực marketing, quản trị marketing. Môn học còn giúp sinh viên có thể hình dung được hoạt động marketing và quy trình triển khai công tác quản trị marketing tại doanh nghiệp.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
643	Quản trị tài chính	Mục đích của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận lý thuyết thông qua tự nghiên cứu và thảo luận đồng thời giúp sinh viên giải quyết những tình huống mang tính thực tiễn thông qua các bài tập.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
644	Quản trị thương hiệu	Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản về xây dựng hình ảnh thương hiệu của cá nhân, tổ chức kinh tế, chính trị-xã hội và của quốc gia; hiểu được tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu để từ đó sinh viên hình thành và	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		nhận thức những chiến lược và kỹ năng xây dựng, phát triển và duy trì thương hiệu					
645	E-Marketing	Cung cấp các nền tảng, hiện trạng và tiền Marketing thương mại điện tử	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
646	Khởi tạo doanh nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp, các nguyên tắc lựa chọn loại hình doanh nghiệp để kinh doanh và các điều kiện để trở thành nhà quản lý doanh nghiệp, các thủ tục chính cần thiết khi thành lập doanh nghiệp, kinh doanh và định hướng ngành nghề kinh doanh, các bước lập kế hoạch kinh doanh và thực thi kế hoạch kinh doanh	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
647	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
648	Quản trị kinh doanh quốc tế	Hoạt động ngoại thương của một quốc gia bao gồm hoạt động mua và bán các hàng hóa và dịch vụ của nước đó với nước ngoài – gọi là xuất nhập khẩu. Môn học Quản trị kinh doanh quốc tế nghiên cứu sự ra đời, vai trò của hoạt động ngoại thương, các nghiệp vụ trong ngoại thương và hoạt động quản trị ngoại thương của của doanh nghiệp.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
649	Thị trường chứng khoán	: Sinh viên có những kiến thức cơ bản có hệ thống về cơ chế, phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán, giúp sinh viên tiếp cận, hiểu nguyên lý và có thể thực hành được các nghiệp vụ trên TTCK như: phát hành chứng khoán, giao dịch chứng khoán với tư cách của nhiều chủ thể khác nhau: nhà đầu tư cá nhân, doanh nghiệp.... từ đó làm cơ sở lý luận để nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống kiến thức chuyên ngành tài chính ngân hàng..	2	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Quản trị kinh doanh
650	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
651	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
652	Nguyên lý kế toán	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
653	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như đo lường sản lượng quốc gia, vận dụng chính sách tài chính, chính sách tiền tệ vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
654	Quản trị học	Môn Quản trị học nhập môn nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị và những chức năng của hoạt động quản trị trong tổ chức	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
655	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	Môn Anh Văn chuyên ngành Tài chính - ngân hàng cung cấp cho sinh viên các vốn kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ trong lĩnh vực chuyên môn là Tài Chính và Ngân Hàng. Nội dung của học phần này gồm nhiều chủ đề được chọn phù hợp với chuyên ngành.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
656	Kinh tế lượng	Học phần kinh tế lượng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng thống kê và toán học vào đo lường, quan sát, ước lượng mô hình và dự báo định lượng các hiện tượng kinh tế.	3	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
657	Luật kinh tế	Giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật kinh tế nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về nội dung pháp lý liên quan tới chuyên ngành đang theo học.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
658	Kế toán quản trị	Trên cơ sở tiếp cận các kỹ thuật của kế toán quản trị, sinh viên có thể tạo lập thông tin và sử dụng thông tin để đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định liên quan đến quản lý doanh nghiệp	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
659	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	Trang bị các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh, trong đó đi sâu vào kỹ năng đọc và viết. Nội dung chính bao gồm các chủ đề chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh và giao thương quốc tế.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
660	Marketing ngân hàng	Môn học Marketing ngân hàng nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản của marketing được áp dụng trong một lĩnh vực kinh doanh đặc thù là các dịch vụ ngân hàng.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
661	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Giới thiệu về hoạt động kinh doanh của các NHTM. Hoạt động kinh doanh NHTM nhìn chung là hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ tiền tệ; bao gồm nghiệp vụ huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán ngân quỹ, và các hoạt động khác liên quan đến tài chính tiền tệ. Tất cả những mảng kinh doanh đó giữ những vai trò khác nhau, hỗ trợ lẫn nhau nhằm tạo ra thu nhập và lợi nhuận cho các ngân hàng.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
662	Thuế	Giúp học sinh nắm bắt được các khái niệm về thuế, việc phân loại thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế xã hội.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
663	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Môn học cụ thể hoá phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực kinh doanh, mà cụ thể là các lĩnh vực: kế toán, tài chính và quản trị kinh doanh.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
664	Kế toán ngân hàng	Học phần cung cấp các kiến thức chung về những nguyên lý kế toán ngân hàng thương mại; phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; và kỹ năng lập báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
665	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần Phân tích tài chính trình giúp người học tiếp cận và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc sử dụng và phân tích những thông tin nhằm giúp các đối tượng có liên quan	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
666	Quản trị ngân hàng thương mại	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong quản trị nguồn vốn, tài sản của ngân hàng thương mại nhằm hạn chế rủi ro, tăng khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của các ngân hàng thương mại (Quản trị tài sản nợ - tài sản có, vốn tự có và sự an toàn, quản trị rủi ro,...).	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
667	Thẩm định tín dụng	Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích, đánh giá và ra quyết định cho vay khi xử lý một hồ sơ vay vốn của khách hàng. Trang bị cho sinh viên những công cụ cơ bản để kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay tại các ngân hàng thương mại, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng nói chung..	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
668	Thiết lập và thẩm định dự án	Xây dựng nhận thức, hiểu biết về vai trò của việc thiết lập và thẩm định dự án đầu tư. Trang bị các phương pháp luận cơ bản cho triển khai thiết lập và thẩm định một dự án. Luyện kỹ năng vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
669	Đầu tư tài chính	Trang bị những kiến thức cơ bản trong đầu tư tài chính như các công cụ tài chính; các thước đo lợi suất và rủi ro; quy trình giao dịch và những chủ thể tham gia quá trình đó; bước đầu tiếp cận tới các lý thuyết đầu tư hiện đại: bài toán phân bổ vốn; mô hình xây dựng danh mục đầu tư Markowitz; mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và giả thuyết thị trường hiệu quả	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
670	Ngân hàng Trung ương	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về hoạt động của Ngân hàng trung ương và các nghiệp vụ cụ thể trong hoạt động của ngân hàng trung ương.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
671	Quản lý danh mục đầu tư	Giúp người học nắm vững các kiến thức cơ bản liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư như: quy trình xây dựng một danh mục đầu tư, các chiến lược đầu tư, các lý thuyết hiện đại về quản lý danh mục đầu tư, các phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động DMĐT...	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
672	Quản trị rủi ro tài chính	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các sản phẩm phái sinh làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu ở các học phần liên quan; và ứng dụng của những sản phẩm này trong thực tiễn để phòng ngừa rủi ro trên thị trường tài chính	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
673	Quản trị tài chính	Mục đích của học phần nhằm giúp sinh viên tiếp cận lý thuyết thông qua tự nghiên cứu và thảo luận đồng thời giúp sinh viên giải quyết những tình huống mang tính thực tiễn thông qua các bài tập.	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
674	Tài chính quốc tế	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối. Các kiến thức cơ bản về hạch toán cán cân thanh toán. Đồng thời nắm được các học thuyết ngang giá sức mua và ngang giá lãi suất	3	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
675	Thanh toán quốc tế	Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán quốc tế cũng như nghiệp vụ tín dụng của các ngân hàng thương mại dành cho các nhà kinh doanh xuất nhập khẩu trong thanh toán quốc tế nhằm hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ năng thực hành trọn vẹn một giao dịch xuất nhập khẩu cho sinh viên.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
676	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	Trang bị cho sinh viên các năm cuối những kiến thức cơ bản giúp cho việc thiết lập và đánh giá tính khả thi của một dự án đầu tư một cách khoa học và khách quan.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
677	Kinh doanh ngoại hối	Học phần cung cấp các kiến thức sau: Tổng quan về thị trường ngoại hối; Tỷ giá hối đoái và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái; Các nghiệp vụ trong kinh doanh ngoại hối; Phân tích kỹ thuật và phân tích trong dự báo tỷ giá hối đoái; Rủi ro trong kinh doanh ngoại hối; Những điều kiện khung về thể chế trong kinh doanh ngoại hối; Một số chiến lược trong kinh doanh ngoại hối.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
678	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Học phần này giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết và thực hành về phân tích và đầu tư chứng khoán. Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức về các phương pháp định giá trái phiếu, cổ phiếu và các công cụ phái sinh.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
679	Kế toán và khai báo thuế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống kế toán ngân hàng thương mại và thực hành được một số nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại.	3	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Tài chính – Ngân hàng
680	Lý sinh	Trình bày các khái niệm cơ bản, các quy luật Vật lý – Hoá lý, các định luật vận động trong thế giới vi mô ở mức độ phân tử, siêu phân tử. Các quy luật bảo toàn, chuyên hoá năng lượng trong thế giới sinh vật. Ứng dụng các nguyên lý vật lý y học để giải thích các hiện tượng trong cơ thể con người.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
681	Sinh học và di truyền	Hệ thống hóa và nâng cao kiến thức cơ bản về sinh học ứng dụng trong Y học. Cập nhật các thông tin sinh học hiện đại dùng cho nghiên cứu Y học.	3	Học kỳ I	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
682	Giải phẫu 1	Mục tiêu của môn học nhằm trang bị cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái, cấu tạo cơ thể và những biến đổi của chúng dưới tác dụng của hoạt động thể lực.	3	Học kỳ II	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
683	Giải phẫu 2	Học phần giúp cho sinh viên trình bày được cấu tạo giải phẫu, chức năng sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể.	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
684	Ký sinh trùng	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số ký sinh trùng gây bệnh cho người. Hoàn thiện khả năng nhận diện hình ảnh trên một số thông tin lâm sàng cơ bản và xét nghiệm bệnh phẩm bằng cách xem kính hiển vi, cấy, một số kỹ thuật miễn dịch...	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
685	Mô và Phôi thai học	Giúp cho sinh viên nắm được cấu tạo vi thể của các loại tổ chức, cơ quan trong cơ thể động vật.	4	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
686	Sinh lý 1	Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
687	Vi sinh	Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật...đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp...	3	Học kỳ III	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
688	Dịch tễ học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	2	Học kỳ IV	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
689	Mắt	Học phần cung cấp các bài giảng về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng.	4	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
690	Tai mũi họng	Giúp sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị và cấp cứu ban đầu các bệnh lý và cấp cứu tai mũi họng thường gặp. Chẩn đoán, điều trị được những bệnh lý tai mũi họng thông thường. Xử trí bước đầu được những cấp cứu thường gặp trong tai mũi họng. Chỉ định và thực hiện được việc chuyển bệnh nhân lên tuyến trên kịp thời và đúng tuyến.	4	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
691	Thần kinh	Học phần Thần kinh sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để khám phát hiện được các triệu chứng, hội chứng cơ bản trong tổn thương hệ thần kinh, chẩn đoán và xử trí một số bệnh thần kinh thường gặp trong thực hành.	4	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
692	Ung thư	Giải thích được một số nguyên nhân sinh bệnh ung thư, nguyên tắc dự phòng và vận dụng trong dự phòng một số bệnh ung thư thường gặp. Phân tích được giá trị của các phương pháp chẩn đoán ung thư, vận dụng trong chẩn đoán một số bệnh ung thư thường gặp.	4	Học kỳ IX	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
693	Chẩn đoán hình ảnh	Giúp cho sinh viên hiểu được những phương pháp chẩn đoán hình ảnh ngày nay góp phần rất lớn trong chẩn đoán các loại bệnh lý từ tổn thương thực thể đến chức năng; can thiệp chẩn đoán hình ảnh đó đem lại hiệu quả điều trị cao như nút mạch các khối u, điều trị các dị dạng mạch máu, nút mạch trước mổ ... đó	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		được các nhà khoa học trên thế giới ghi nhận.					
694	Dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cơ sở gồm có: thành phần, vai trò, nguồn gốc, nhu cầu các chất dinh dưỡng có trong thực phẩm.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
695	Dược lý	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, thuốc kháng sinh – hoá trị liệu, kháng histamin, thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm, các hormon – kháng hormon và các vitamin.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
696	Huấn luyện kỹ năng	Học phần huấn luyện kỹ năng trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản của người thầy thuốc: kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người dân tại cộng đồng, kỹ năng khám chữa bệnh, tiến hành các thủ thuật y khoa.	2	Học kỳ V	Điểm trung bình thực hành của tất cả các buổi 100%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
697	Phẫu thuật thực hành	Học phần giúp cho sinh viên trình bày được cấu tạo giải phẫu, chức năng sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể.	3	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
698	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	Nội dung gồm kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
699	Sinh lý bệnh và miễn dịch	Học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid, chuyển hóa lipid, chuyển hóa protid, chuyển hóa nước điện giải; về rối loạn cân bằng acid – base, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm.	4	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
700	Truyền thông giáo dục và nâng cao sức khỏe	Tham gia học học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng về khoa học hành vi, về TT-GDSK. Những kiến thức và kỹ năng này sẽ được áp dụng nhiều trong thực tế làm việc sau này của người cán bộ y tế.	2	Học kỳ V	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
701	Anh văn chuyên ngành (Y khoa)	Giúp sinh viên nắm được những từ ngữ chuyên dùng trong ngành y khoa qua đó có thể giao tiếp và trao đổi trong chuyên ngành	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
702	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử phát triển ngành điều dưỡng và các khái niệm về điều dưỡng, một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
703	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh là một trong những môn hình thái học, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
704	Hóa sinh	Cung cấp những kiến thức giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh.	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
705	Răng hàm mặt	Trình bày được triệu chứng, chẩn đoán, xử trí và phòng các bệnh răng hàm mặt thường gặp. Vận dụng được kiến thức cơ bản về răng hàm mặt trong thực hành chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	4	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
706	Sinh lý 2	Học phần sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý tế bào, sinh lý học của máu và các dịch thể, sinh lý của các hệ cơ quan trong cơ thể người (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, bài tiết, nội tiết, sinh dục).	3	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
707	Sức khỏe môi trường	Môn học SKMT-SKNN bao gồm những kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ trong môi trường sống, môi trường lao động và tác động của các yếu tố này đến sức khỏe của con người.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
708	Tâm lý và Đạo đức Y học	Phân tích được những biến đổi tâm lý người bệnh và cách tiếp xúc của cán bộ y tế đối với người bệnh. Trình bày được bản chất và cách phòng tâm chấn trong quá trình chăm sóc người bệnh. Phân tích được các biện pháp vệ sinh tâm lý và liệu pháp tâm lý trong chăm sóc người bệnh. Áp dụng được các kiến thức về y đức trong thực hành nghề nghiệp.	2	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
709	Triệu chứng ngoại khoa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp	5	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
710	Triệu chứng nội khoa	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh nội khoa và chấn thương thường gặp	5	Học kỳ VI	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
711	Bệnh học ngoại khoa 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp	5	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
712	Bệnh học Nhi khoa 1	Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và đặc điểm các hệ cơ quan của trẻ em. Sinh viên cũng tiếp tục được trang bị thêm các kiến thức về sơ sinh và dinh dưỡng của trẻ	4	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
713	Bệnh học nhi khoa 2	Học phần này sẽ bổ sung cho sinh viên kiến thức về sự phát triển, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển và đặc điểm các hệ cơ quan của trẻ em. Sinh viên cũng tiếp tục được trang bị thêm các kiến thức về sơ sinh và dinh dưỡng của trẻ	4	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
714	Bệnh học nội khoa 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và biện pháp phòng bệnh của một số bệnh nội khoa thường gặp. Cách phát hiện và xử trí một số cấp cứu nội khoa thường gặp	5	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
715	Bệnh học Nội khoa 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, tiến triển, biến chứng, cách xử trí và biện pháp phòng bệnh của một số bệnh nội khoa thường gặp. Cách	5	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
		phát hiện và xử trí một số cấp cứu nội khoa thường gặp					
716	Tổ chức và quản lý y tế	Giúp sinh viên gia tổ chức và quản lý được một khoa chuẩn đoán hình ảnh; hoạt động truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng; Nghiên cứu khoa học và tiếp cận thông tin từ nhiều nguồn, nhiều hình thức khác nhau.	2	Học kỳ VII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
717	Bệnh học sản khoa 1	Ứng dụng các kiến thức cơ sở và lâm sàng để giải thích được các hiện tượng sinh lý trong Sản phụ khoa. Vận dụng kiến thức để chẩn đoán được những bệnh lý Sản Phụ khoa thông thường.	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
718	Da liễu	Trong học phần này sinh viên sẽ được học lý thuyết và một số buổi tự học và thảo luận có sự hướng dẫn của giáo viên bộ môn về một số chủ đề chính và các bệnh da, hoa liễu thông thường như: Bệnh da nhiễm khuẩn, bệnh do virus, bệnh da nhiễm độc, một số bệnh LTQĐTD	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
719	Truyền nhiễm	Học phần đề cập đến một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở các khía cạnh dịch tễ học, triệu chứng, chẩn đoán, biến chứng, điều trị và cách phòng bệnh.	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
720	Y học cổ truyền	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận để nhận biết được một số triệu chứng bất thường của sự mất cân bằng âm dương và tạng phủ trong cơ thể. Áp dụng được kiến thức cơ bản của châm cứu, xoa bóp, thuốc y học cổ truyền, điều trị một số chứng bệnh thường gặp Tư vấn được cho người bệnh sử dụng các phương pháp của Y học cổ truyền trong chữa bệnh và phòng bệnh.	4	Học kỳ VIII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
721	Bệnh học Ngoại khoa 2	Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về: nguyên nhân, triệu chứng, các biến đổi về hình ảnh y học, biện pháp xử trí và các biện pháp dự phòng một số bệnh ngoại khoa và chấn thương thường gặp	4	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
722	Bệnh học sản khoa 2	Áp dụng được kiến thức để chẩn đoán, tiên lượng và xử trí những trường hợp sản khó, bệnh phụ khoa. Vận dụng kiến thức để phát hiện được những trường hợp sản khó, bệnh phụ khoa để chuyển tuyến kịp thời và an toàn.	4	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
723	Lao và Bệnh phổi	Cung cấp các nội dung về chuyên ngành lao: Những nội dung cơ bản dịch tễ học bệnh lao, các thể lao thường gặp trên lâm sàng, các thuốc điều trị lao thiết yếu và các phác đồ điều trị bệnh lao và phòng bệnh lao trong cộng đồng	4	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
724	Phục hồi chức năng	Cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản của phục hồi chức năng hậu phẫu.	4	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
725	Sức khỏe tâm thần	Áp dụng được các kiến thức trong học phần sức khỏe tâm thần vào việc phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí ban đầu một số rối loạn tâm thần thường gặp trong thực hành đa khoa.	4	Học kỳ X	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
726	Dược lý lâm sàng	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng các nhóm thuốc: thuốc tác dụng trên hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, thuốc kháng sinh – hoá trị liệu, kháng histamin, thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm, các hormon – kháng hormon và các vitamin.	2	Học kỳ XII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
727	Gây mê hồi sức	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về GMHS làm cơ sở để sinh viên hiểu và thực hành trên lâm sàng	2	Học kỳ XII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên	Khóa học	Chuyên ngành
728	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	Phân kinh tế y tế cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế học và mối quan hệ giữa kinh tế học và kinh tế y tế, nguồn kinh phí trong y tế, cách tính toán và ý nghĩa của các loại chi phí trong y tế. Ngoài ra, nội dung về bảo hiểm y tế cũng được giới thiệu trong chương trình này.	2	Học kỳ XII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
729	Phụ khoa	Phân tích, vận dụng được cơ chế bệnh sinh, tổn thương giải phẫu bệnh vào chẩn đoán, điều trị, dự phòng một số bệnh phụ khoa thường gặp.	4	Học kỳ XII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa
730	Tin học ứng dụng Y Khoa	Cung cấp những kiến thức cơ bản về tin học, những phần mềm có thể áp dụng vào trong ngành y khoa	2	Học kỳ XII	Chuyên cần, thảo luận nhóm: 20% Kiểm tra định kỳ: 30% Điểm thi kết thúc học phần: 50%	2018, 2019, 2020, 2021, 2022	Y khoa

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

Năm học	Đăng ký	Đã nghiệm thu	Xin hủy	Chưa hoàn thành	Xin gia hạn
2022-2023	32	24	1	6	1

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Tác động của giá trị thương hiệu đến hành vi lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ	Nguyễn Thuý Hằng	PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm	Đề tài thực hiện nhằm mục tiêu phân tích tác động của giá trị thương hiệu đến hành vi lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng tại thành phố Cần Thơ, Kết quả nghiên cứu cho thấy, thứ tự xếp loại siêu thị được người tiêu dùng thường xuyên đi nhất là: Lotte Mart; Co.opmart; MM Mega Mart; Vinmart. Các mục đích đi siêu thị: mua sắm (74,7%); giải trí (48,7%); ăn uống (42,0%); tham quan (34,0%). Các yếu tố của giá trị thương hiệu: Chất lượng cảm nhận thương hiệu siêu thị; Nhận biết thương hiệu siêu thị; Tính bền vững thương hiệu siêu thị và Liên tưởng thương hiệu siêu thị.
2	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm chức năng của người cao tuổi tại TP. Cần Thơ	Lê Nguyễn Huệ Ngân	PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng thực phẩm chức năng của người cao tuổi tại thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy người cao tuổi tìm thông tin về thực phẩm chức năng thông qua quảng cáo, internet, báo chí là chủ yếu. Bên cạnh đó, qua nghiên cứu cho thấy tiệm thuốc đông y chiếm tỷ lệ cao nhất, là nơi để chọn mua thực phẩm chức năng. Kết quả cũng cho thấy có 4 nhóm nhân tố tác động đến quyết định mua thực phẩm chức năng của người cao tuổi: Chiêu thị, Niềm tin vào dinh dưỡng và sức khỏe, Nhóm tham khảo và Giá.
3	Đại học	Tác động của chiêu thị ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu Biti's tại TP. Cần Thơ	Hồ Bảo Ngọc	PGS.TS Nguyễn Tri Khiêm	Mục tiêu của đề tài là đánh giá Tác động chiêu thị đến giá trị thương hiệu Biti's Hunter tại Thành phố Cần Thơ. Kết quả cho thấy có các yếu tố tác động như: Liên tưởng và Lòng trung thành thương hiệu; Chất lượng cảm nhận thương hiệu; Nhận biết thương hiệu. Kết quả nghiên cứu góp phần vào việc quản lý trong thực tiễn, giúp các nhà quản trị tiếp thị và quản lý doanh nghiệp hiểu biết rõ hơn về giá trị thương hiệu và thái độ của người tiêu dùng về vai trò của chiêu thị trong việc hình thành giá trị thương hiệu.
4	Đại học	Nghiên cứu tác động của tính vị chủng tiêu dùng đến	Trần Duy Khanh	ThS. Trần Hồng Minh	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích sự ảnh hưởng của tính vị chủng tiêu dùng đến quyết định lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng tại thành

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		quyết định lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng tại TP. Cần Thơ		Ngọc	phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thứ tự các siêu thị được lựa chọn như: Big C; Co.op Mart; Lotte Mart; Vinmart; MM Mega Market. Các yếu tố của tính vị chủng tiêu dùng có tác động đến hành vi lựa chọn siêu thị của người tiêu dùng thông qua 4 biến: Thái độ đối với siêu thị thương hiệu Việt, Tác động của việc lựa chọn siêu thị thương hiệu ngoại, Niềm tin vào siêu thị thương hiệu Việt, Thái độ đối với siêu thị thương hiệu ngoại.
5	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo trường ĐH Nam Cần Thơ	Nguyễn Thị Thu Tâm	ThS. Trần Hồng Minh Ngọc	Đề tài nhằm nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ đào tạo tại Trường ĐH Nam Cần Thơ. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng là: Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất, Chương trình đào tạo, Khả năng phục vụ, Giá trị cảm nhận, Chất lượng cảm nhận. Đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của sinh viên, giúp Ban lãnh đạo nhà trường có những định hướng để điều chỉnh, cải tiến trong thời gian đến nhằm ngày một nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo của Trường.
6	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ký túc xá của sinh viên ĐH Nam Cần Thơ	Nguyễn Thanh Vân	ThS. Trần Hồng Minh Ngọc	Nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ở ký túc xá của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn ở ký túc xá của sinh viên Trường Đại học Nam Cần Thơ gồm “Chất lượng chỗ ở ảnh hưởng bởi năng lực phục vụ”, “Kiểm soát hành vi cảm nhận và thái độ đối với nơi ăn uống” và “Ảnh hưởng xã hội”. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của ký túc xá và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên có được chỗ ở để hoàn thành tốt việc học của mình, đồng thời tìm ra nhu cầu và đáp ứng nhu cầu của sinh viên khi ở ký túc xá.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
7	Đại học	Phát triển dịch vụ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Cần Thơ	Đặng Hồ Nhật Duy	ThS. Nguyễn Trần Trọng Vinh	Đề tài nghiên cứu về thực trạng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng của TPBank – chi nhánh Bắc Cần Thơ giai đoạn 2016 – 2018. Kết quả cho thấy số lượng thanh toán qua thẻ lại khá cao, gần như 90% khách hàng mở thẻ đều sẽ sử dụng để thanh toán, điều này cung cấp một nguồn thu ổn định cho ngân hàng. Hơn thế dư nợ thẻ tín dụng duy trì ở mức thấp, chiếm tỷ trọng dưới 2% so với tổng dư nợ qua các năm.
8	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định cho vay tín dụng tiêu dùng của khách hàng cá nhân tại NHTM Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ	Đặng Thị Bích Trâm	ThS. Nguyễn Trần Trọng Vinh	Đề tài nghiên cứu thực tế về tình hình hoạt động trong thời gian qua của Ngân hàng OCB – Cần Thơ. Đề tài đã đạt được những kết quả: doanh số cho vay tiêu dùng và dư nợ cho vay tiêu dùng tại OCB – Cần Thơ tăng liên tục; Cơ cấu sản phẩm cho vay tiêu dùng đang được triển khai tại chi nhánh phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân trong địa bàn thành phố Cần Thơ; Dư nợ CVTD trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 của OCB – Cần Thơ luôn tăng; Công tác thu hồi nợ của chi nhánh đạt hiệu quả cao; Vòng quay tín dụng của chi nhánh cũng tăng từ 1,19 vòng năm 2016 lên 2,83 vòng năm 2018.
9	Đại học	Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật - thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Cao Thị Hồng Đào	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Trên cơ sở phân tích các các quy định của pháp luật về đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật, tìm ra những vướng mắc, bất cập và đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật trên thực tế, giải quyết tốt những tranh chấp về đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật trong thời gian tới.
10	Đại học	Hợp đồng mua bán hàng hóa	Ung Thành Đạt	ThS. Thân Thị Kim Nga	Nghiên cứu một cách có hệ thống, tổng thể các quy định của pháp luật. Việt Nam về nhượng quyền thương mại. Nghiên cứu thực tiễn thi hành các quy định này, đồng thời có sự so sánh giữa các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện. Từ đó phát hiện ra những thiếu sót, bất cập trong các quy định của pháp luật về vấn đề này. Đưa ra kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện và nâng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cao hiệu quả thực thi của pháp luật nhượng quyền thương mại ở Việt Nam.
11	Đại học	Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam – thực trạng và giải pháp	Lưu Thị Giang	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản nhất trong các quy định của pháp luật về HĐLĐ theo pháp luật. Trong đó, tác giả tập trung nghiên cứu các quy định về giao kết hợp đồng, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn HĐLĐ, chấm dứt HĐLĐ theo pháp luật Việt Nam từ năm 2012 đến nay kể từ khi BLLĐ 2012 có hiệu lực thi hành.
12	Đại học	Pháp luật về đăng ký kinh doanh - Thực trạng và giải pháp	Phạm Pha Ly	TS. Huỳnh Văn Diện	Khóa luận là làm rõ các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn của pháp luật về đăng ký kinh doanh. Từ đó, đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về đăng ký kinh doanh.
13	Đại học	Pháp luật về hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh và thực tiễn tại Việt Nam	Phạm Kiều Ngọc Duyên Sang	ThS. Nguyễn Mộng Cẩm	Nghiên cứu này nhằm làm rõ cơ sở lý luận cũng như các quy định của pháp luật điều chỉnh về hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh. Từ đó, ghi nhận những điểm chưa phù hợp, những điểm thiếu sót, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra những giải pháp đối với những vấn đề đang tồn tại. Nói cách khác, mục đích của nghiên cứu đề tài này là đóng góp một phần nhỏ trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý hiệu quả và khả thi hơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các doanh nghiệp khi tham gia hoạt động quảng cáo, cũng như đối với Nhà nước và người tiêu dùng.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
14	Đại học	Hợp đồng vay tài sản theo pháp luật Việt Nam hiện hành.	Nguyễn Kim Tuyên	ThS. Nguyễn Chí Dũng	Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về hợp đồng vay tài sản như khái niệm hợp đồng vay tài sản, quyền cũng như nghĩa vụ cụ thể của các bên khi thực hiện hợp đồng vay hay khi có tranh chấp xảy ra. Làm rõ được chức năng của hợp đồng vay trong đời sống kinh tế - xã hội. Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng vay tài sản, đồng thời so sánh các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 về hợp đồng vay tài sản với các quy định của Bộ luật Dân sự 2005. Thông qua đó, đánh giá được mức độ hoàn thiện của Bộ luật Dân sự 2015.
15	Đại học	Pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Nguyễn Trần Thu Thảo	ThS. Lê Thị Huỳnh Như	Làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật đất đai về vấn đề này.
16	Đại học	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp Luật Việt Nam	Châu Thị Thúy Diễm	PGS.TS. Lê Văn Long	Nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận chung về hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ở; các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến việc chuyển nhượng QSDĐ và thực trạng áp dụng các quy định có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ở.
17	Đại học	Hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp	Phạm Hoàng Tuấn	ThS. Nguyễn Mộng Cẩm	Khi nghiên cứu đề tài này, người viết mong muốn giúp cho bản thân cũng như người đọc hiểu thêm về cạnh tranh không lành mạnh nói chung và cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp nói riêng. Thông qua đó làm rõ những quy định của pháp luật cạnh tranh cũng như sở hữu trí tuệ. Khóa luận cũng nêu lên được thực trạng hành vi, việc áp dụng pháp luật. Từ đó, người viết đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
18	Đại học	Các chế tài trong kinh doanh thương mại	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	ThS. Lê Thị Huỳnh Như	Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về các hình thức chế tài trong hoạt động thương mại, phân tích các loại chế tài này và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về chế tài trong thương mại, trên cơ sở đó đề ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật.
19	Đại học	Các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong hoạt động tín dụng	Đỗ Trung Quân	TS. Huỳnh Văn Diệm	Từ việc tiếp cận những lý luận cơ bản về quản trị rủi ro của Ngân hàng trong nền kinh tế thị trường so sánh với thực tiễn đánh giá hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang, khóa luận nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân rủi ro tín dụng cũng như các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Chi nhánh, từ đó chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục.
20	Đại học	Pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam	Đỗ Thị Hồng Như	ThS. Thân Thị Kim Nga	Trọng tài thương mại là một trong bốn hình thức cơ bản để giải quyết tranh chấp thương mại được quy định ở hầu hết các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại hiện đang được các chuyên gia kinh tế đánh giá là phương thức giải quyết tranh chấp trong tương lai với nhiều ưu điểm nổi trội, được các doanh nghiệp trên thế giới tin dùng. Để hội nhập vào nền kinh tế thế giới một cách nhanh chóng và bền vững, Việt Nam cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về trọng tài nói riêng cho phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới.
21	Đại học	Pháp luật về thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và giải pháp	Nguyễn Chí Hải	PGS.TS. Lê Văn Long	Nghiên cứu, làm rõ những vấn đề lý luận của pháp luật Việt Nam về thương mại điện tử, làm rõ các đặc trưng cơ bản, cơ chế quản lý, thực hiện của pháp luật về thương mại điện tử. Nghiên cứu, đánh giá về thực trạng pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật về thương mại điện tử, chỉ ra các hạn chế, bất cập và nguyên nhân làm cơ sở dẫn đến những bất cập đó.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
22	Đại học	Thế chấp quyền sử dụng đất	Trần Nguyễn Gia Uyên	ThS. Nguyễn Chí Dũng	Khóa luận tốt nghiệp tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực trạng và các quy định pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất ở Việt Nam từ đó tìm ra những điểm bất cập, hạn chế đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất đáp ứng có hiệu quả các yêu cầu do thực tế cuộc sống đặt ra.
23	Đại học	Pháp luật Việt Nam về thành lập doanh nghiệp - thực trạng và hướng hoàn thiện	Nguyễn Thị Hồng Thắm	ThS. Thân Thị Kim Nga	Làm rõ những vấn đề quyền thành lập, quản lý doanh nghiệp của công dân Việt Nam như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của doanh nghiệp, khái quát về quyền thành lập doanh nghiệp, quyền quản lý doanh nghiệp, cơ sở pháp lý về thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.
24	Đại học	Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật - lý luận và thực tiễn	Nguyễn Như ý	ThS. Thân Thị Kim Nga	Nghiên cứu này nhằm làm rõ cơ sở lý luận cũng như các quy định của pháp luật điều chỉnh về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Thông qua đó sẽ ghi nhận lại những điểm chưa phù hợp, những hạn chế để tìm ra nguyên nhân và nhanh chóng đưa ra một số giải pháp để giải quyết vấn đề đã và đang tồn tại.
25	Đại học	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam về an toàn vệ sinh thực phẩm	Nguyễn Sỹ Bằng	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Phạm vi nghiên cứu của đề tài là Những vấn đề lý luận về trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; Các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm; Những kết quả đạt được cũng như hạn chế của việc áp dụng những quy định pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm trên thực tế. Nghiên cứu được thực hiện đối với tình hình áp dụng những quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm.
26	Đại học	Pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng trên địa bàn Huyện mỏ cày bắc, tỉnh Bến Tre.	Trần Chí Tâm	TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Làm rõ khái niệm, mối quan hệ giữa trách nhiệm hình sự với miễn trách nhiệm hình sự, phân tích đặc điểm, ý nghĩa của miễn trách nhiệm hình sự, phân loại các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự và phân biệt miễn trách nhiệm hình sự với miễn hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam. Hệ thống hóa lịch sử hình thành và phát triển các quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong Luật

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					hình sự Việt Nam.
27	Đại học	Quyền đình công của người lao động theo pháp luật Việt Nam	Nguyễn Ngọc Phú Quốc	ThS. Nguyễn Mộng Cẩm	Khóa luận làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về quyền đình công của người lao động Việt Nam và giải quyết đình công - vấn đề đang được xã hội quan tâm. Đồng thời, khóa luận còn đánh giá thực trạng, phân tích những nguyên nhân, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định về đình công và giải quyết đình công trên tại các tỉnh thành. Trên cơ sở đó, khóa luận đề xuất những giải pháp mang tính khả thi trong việc áp dụng các quy định về đình công và giải quyết đình công tại Việt Nam.
28	Đại học	Pháp luật Việt Nam về sử dụng người lao động chưa thành niên	Phạm Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Mộng Cẩm	Nghiên cứu này nhằm làm rõ cơ sở lý luận cũng như nghiên cứu các quy định của pháp luật về sử dụng người lao động chưa thành niên. Từ đó, ghi nhận những điểm chưa phù hợp, những điểm còn thiếu sót, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra giải pháp đối với những vấn đề đang tồn tại. Nói cách khác, việc nghiên cứu đề tài này là cách thức nhằm góp phần nhỏ vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta trong việc sử dụng người lao động chưa thành niên.
29	Đại học	Hòa giải trong tố tụng dân sự - Thực trạng và giải pháp	Lê Huỳnh Phương Thảo	ThS. Mai Kim Hân	Hòa giải là một chế định quan trọng trong tố tụng dân sự. Là hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự (VADS). Việc hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và công dân, giảm bớt giai đoạn tố tụng kéo dài, vừa giải quyết triệt để các mâu thuẫn giữa các đương sự.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
30	Đại học	Quyền hiến mô, hiến bộ phận cơ thể, hiến xác sau khi chết	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	ThS. Nguyễn Chí Dũng	Bài luận tập trung nghiên cứu các vấn đề sau: Khái quát về quyền hiến mô, hiến bộ phận cơ thể, hiến xác; Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về quyền hiến mô, hiến bộ phận cơ thể, hiến xác sau khi chết thông qua Bộ luật Dân sự 2015 cũng như Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác năm 2006. Từ đó rút ra các thiếu sót cần bổ sung của pháp luật và nêu ra phương hướng hoàn thiện pháp luật.
31	Đại học	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người gửi tiền trong hoạt động nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng	Lê Văn Thoàng	ThS. Diệp Mỹ Nhân	Đề tài tập trung vào phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận về TCTD và hoạt động của TCTD, nhất là đi sâu vào phân tích hoạt động nhận tiền gửi. Ngoài ra, tác giả còn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi NGT trong hoạt động nhận tiền gửi của TCTD. Hơn nữa, tác giả còn đi vào phân tích hạn chế trong quy định pháp luật hiện hành điều chỉnh vấn đề bảo vệ quyền lợi NGT trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp giúp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.
32	Đại học	Chế độ pháp lý về tài sản chung và riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.	Trương Thị Minh Thu	ThS. Nguyễn Thị Kim Nhiên	“Chế độ pháp lý về tài sản chung và riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” nhằm nghiên cứu về chế độ tài sản chung và riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chế độ tài sản chung và riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tìm hiểu thực tiễn thực hiện pháp luật về chế độ tài sản chung và riêng của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân qua hoạt động xét xử của Tòa án. Trên cơ sở đó chỉ ra những điểm còn thiếu sót, chưa phù hợp với quy định pháp luật về tài sản chung và riêng của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					
3					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

Stt	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo “Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo theo hình thức tín chỉ tại Trường Đại học Nam Cần Thơ”	(29/12/2018)	Trường Đại học Nam Cần Thơ	150
2	Hội thảo “Hành trang khởi nghiệp cho sinh viên”	(25/10/2018)	Trường Đại học Nam Cần Thơ	200
3	Phát triển thương mại và khoa học, công nghệ vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	11/2019	Trường Đại học Nam Cần Thơ	300
4	Hội thảo tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh dành cho giáo viên bậc THPT tại Thành phố Cần Thơ lần thứ 4	15-30/3/2019	Trường Đại học Nam Cần Thơ	32
5	Hội thảo chương trình Mind Education	21/5/2019	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26
6	Hội thảo tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh dành cho giáo viên bậc THPT tại Thành phố Cần Thơ lần thứ 5	05-17/8/2019	Trường Đại học Nam Cần Thơ	56

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

Stt	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Mô hình tính toán cho cọc xi măng đất để ứng dụng cho công trình dân dụng vừa và cao tầng.	Nguyễn Hậu Hữu; Nguyễn Thị Thanh Tâm; Huỳnh Trung Kiên.	Không	8/2018-3/2019	50 triệu đồng	Xây dựng mô hình tính cọc xi măng đất, khảo sát trên mô hình, xác định phạm vi ứng dụng, nghiên cứu tổng quan các giải pháp gia cường nền đất yếu.
2	Công tác trắc địa phục vụ thi công nhà cao tầng.	Lê Nhứt Ngôn; Ngô Bảo Hoàng; Đặng Hoàng Khiêm.	Không	9/2018-3/2019	34 triệu đồng	Nhằm đảm bảo độ chính xác, hạn chế được sự cố xảy ra nghiêng lún, sai lệch vị trí công trình cao tầng.
3	Nghiên cứu dự báo khả năng nghiêng lún công trình xung quanh do đào móng.	Huỳnh Thành Khiết; Đặng Công Danh; Mai Trường Chinh.	Không	9/2018-4/2019	33 triệu đồng	Đóng góp những kết quả nghiên cứu về giải pháp đảm bảo công trình lân cận được ổn định bền vững, tránh bị nghiêng lún, làm ảnh hưởng công trình
4	Nghiên cứu một số giải pháp của đơn vị tư vấn giám sát nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công trên các công trình xây dựng.	Hà Văn Học; Trần Nhật Lâm; Trần Thanh Hiền	Không	9/2018-4/2019	34 triệu đồng	Phân tích tìm ra nguyên nhân khó khăn, làm ảnh hưởng kế hoạch tiến độ, trong các dự án đầu tư xây dựng
5	Nghiên cứu chế phẩm có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh Gout từ cao hỗn hợp (nụ Vối, lá Tía tô và thân rễ Nghệ) tại Đồng bằng Sông Cửu Long	Dương Thị Mộng Ngọc; Lê Nhi Xuân, Dương Thị Tố Vi	Khoa dược – ĐHYD TPHCM	01/2019 – 03/2020	600 triệu đồng	Hoàn thiện một dược phẩm có nguồn gốc tự nhiên có tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh GOUT vừa hỗ trợ kiểm soát các biến chứng nguy hiểm.
6	Nghiên cứu chế phẩm có tác dụng bảo vệ gan từ cao hỗn hợp (cây Ô rô, lá Đinh lăng, thân rễ Nghệ) tại Đồng bằng Sông Cửu	Dương Thị Mộng Ngọc; Lê Nhi Xuân, Dương Thị Tố Vi	Khoa dược – ĐHYD TPHCM	01/2019 – 03/2020	600 triệu đồng	Hoàn thiện một dược phẩm có nguồn gốc tự nhiên để bảo vệ gan và hỗ trợ kiểm soát các biến chứng nguy hiểm do bệnh

Stt	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Long					gan gây ra
7	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo mẫu xe điện 09 chỗ ngồi phục vụ đi lại tại Trường Đại học Nam Cần Thơ	Nguyễn Văn Tổng Em; Nguyễn Qui Điền, Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Hoàng Việt, Nguyễn Phương Trinh	PTN ĐHQG - HCM động cơ đốt trong; ĐH bách khoa	04/2019 – 12/2019	250 triệu đồng	Đề tài khoa học này nhằm nghiên cứu, thiết kế và chế tạo ô tô điện phục vụ nhu cầu đi lại và là một trong những giải pháp hướng tới ô tô sinh thái ít gây ô nhiễm môi trường.

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Nam Cần Thơ	29/06/2018	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	11/NQ-HĐKĐCLGD ngày 28/05/2018	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 81,97%	29/06/2018	29/06/2023
2	Trường Đại học Nam Cần Thơ	02/06/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	51/NQ-HĐKĐCLGD ngày 18/05/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	02/06/2023	02/06/2028

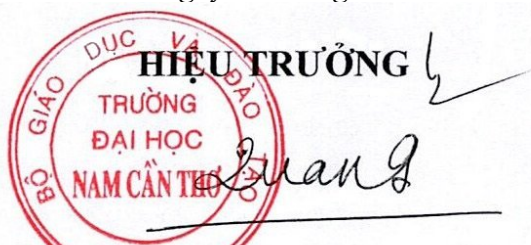
STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
3	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế Trường Đại học Nam Cần Thơ	12/10/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	30/NQ-HĐKĐCL ngày 09/09/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	12/10/2019	12/10/2024
4	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học Trường Đại học Nam Cần Thơ	12/10/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	29/NQ-HĐKĐCL ngày 09/09/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	12/10/2019	12/10/2024
5	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Nam Cần Thơ	12/10/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	31/NQ-HĐKĐCL ngày 09/09/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	12/10/2019	12/10/2024
6	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây	12/10/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng	32/NQ-HĐKĐCL ngày 09/09/2019	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào	12/10/2019	12/10/2024

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
	dựng Trường Đại học Nam Cần Thơ		giáo dục		tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%		
7	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô	26/03/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	29/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	26/03/2022	26/03/2027
8	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin	26/03/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	30/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88%	26/03/2022	26/03/2027
9	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	26/03/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	31/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban	26/03/2022	26/03/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
					hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%		
10	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh	26/03/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	32/NQ-HĐKĐCL ngày 24/02/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88%	26/03/2022	26/03/2027
11	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	05/01/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	144/NQ-HĐKĐCL ngày 06/12/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 92%	05/01/2023	05/01/2028
12	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	05/01/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	145/NQ-HĐKĐCL ngày 06/12/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	05/01/2023	05/01/2028

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
13	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	05/01/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	146/NQ-HĐKĐCL ngày 06/12/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	05/01/2023	05/01/2028
14	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật	05/01/2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	147/NQ-HĐKĐCL ngày 06/12/2022	Đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục và Đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88%	05/01/2023	05/01/2028

Cần Thơ, ngày 18 tháng 08 năm 2023



TS. Nguyễn Văn Quang